

CÔNG BỐ THÔNG TIN

Kính gửi: Ủy ban chứng khoán Nhà nước.

Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Tên công ty: CÔNG TY CP VẬT LIỆU XÂY DỰNG VÀ CHẤT ĐÓT ĐỒNG NAI

Mã chứng khoán: BMF

Trụ sở chính: số 255B, đường Phạm Văn Thuận, phường Tân Mai, TP Biên Hoà, Đồng Nai.

Điện thoại: 02513 819431

Fax: 02513 822014

Người thực hiện công bố thông tin: Bùi Thị Loan – Người được ủy quyền Công bố thông tin của Công ty Cổ phần vật liệu xây dựng và Chất đốt Đồng Nai.

Chức vụ: Thư ký công ty.

Loại thông tin công bố:

☒ 24 giờ ☐ 72 giờ ☐ bất thường ☐ theo yêu cầu ☐ định kỳ

Nội dung thông tin công bố: Tài liệu, Biên bản, Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2025.

Ngày 25/04/2025, Công ty cổ phần Vật liệu xây dựng và Chất đốt Đồng Nai tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 và thông qua các nội dung như sau:

Nội dung 1:	Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2024 và phương hướng hoạt động năm 2025.
Nội dung 2:	Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2024 và kế hoạch kinh doanh năm 2025 của Ban điều hành Công ty.
Nội dung 3:	Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2024.
Nội dung 4:	Tờ trình về việc quyết toán thù lao HĐQT, BKS năm 2024 và phương án chi trả tiền thù lao HĐQT, BKS năm 2025.
Nội dung 5:	Tờ trình về phương án phân phối lợi nhuận và chi trả cổ tức năm 2024, kế hoạch phân phối lợi nhuận và chi trả cổ tức năm 2025.
Nội dung 6:	Báo cáo của Ban kiểm soát tại Đại hội thường niên năm 2025.
Nội dung 7:	Tờ trình về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán thực hiện soát xét BCTC bán niên và kiểm toán BCTC năm 2025.



Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty tại đường dẫn:
<https://chatdotdongnai.com>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Trân trọng!

Tài liệu đính kèm:

- Biên bản họp, Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2025.
- Các báo cáo, tờ trình và tài liệu liên quan đến Đại hội.



Số: 256/2025/NQ – ĐHĐCĐ

Biên Hòa, ngày 25 tháng 04 năm 2025

NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG VÀ CHẤT ĐÓT ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ban hành ngày 17/06/2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung;

Căn cứ Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần Vật liệu xây dựng và Chất đốt Đồng Nai mã số doanh nghiệp 3600661303 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp lần đầu ngày 06/01/2004, thay đổi lần thứ 21 ngày 21/11/2024;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty cổ phần Vật liệu xây dựng và Chất đốt Đồng Nai;

Căn cứ Biên bản cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 số: 255/2025/BB – ĐHĐCĐ ngày 25/04/2025 của Công ty cổ phần Vật liệu xây dựng và Chất đốt Đồng Nai,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1: Thông qua Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2024 và phương hướng hoạt động năm 2025.

(Nội dung chi tiết theo Báo cáo số 246/BC-HĐQT/2025/DBFC ngày 25/04/2025 của Hội đồng quản trị Công ty đính kèm).

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2024

STT	CHỈ TIÊU	ĐVT	THỰC HIỆN 2024
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Tỷ đồng	3.420
2	Tổng sản lượng bán ra xăng dầu các loại	Triệu lít	192,5
3	Gas chất đốt	Tấn	1.581
4	Dầu nhờn	Lít	118.392
5	Lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	Tỷ đồng	20,28
6	Lợi nhuận sau thuế TNDN	Tỷ đồng	16,14

7	Phân phối cổ tức	Tỷ đồng	0
---	------------------	---------	---

KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2025

STT	CHỈ TIÊU	ĐVT	KẾ HOẠCH 2025
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Tỷ đồng	3.605
2	Tổng sản lượng bán ra xăng dầu các loại	Triệu lit	197,62
3	Gas chất đốt	Tấn	1.600
4	Dầu nhờn	Lít	180.000
5	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	Tỷ đồng	20,6
6	Lợi nhuận sau thuế TNDN	Tỷ đồng	16,5
7	Phân phối cổ tức	Tỷ đồng	0

Số cổ phần biểu quyết tán thành là: 14.306.192 cổ phần, chiếm tỷ lệ 99,68% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự và biểu quyết tại Đại hội.

Điều 2: Thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2024 và kế hoạch kinh doanh năm 2025 của Ban điều hành Công ty.

(Nội dung chi tiết theo Báo cáo số 247/BC-BĐH/2025/DBFC ngày 25/04/2025 của Ban điều hành Công ty đính kèm)

Số cổ phần biểu quyết tán thành là: 14.352.292 cổ phần, chiếm tỷ lệ 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự và biểu quyết tại Đại hội.

Điều 3: Thông qua Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2024.

(Nội dung chi tiết theo Tờ trình số 248/TTr/2025/DBFC ngày 25/04/2025 và BCTC đã kiểm toán năm 2024 đính kèm).

Số cổ phần biểu quyết tán thành là: 14.352.292 cổ phần, chiếm tỷ lệ 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự và biểu quyết tại Đại hội.

Điều 4: Thông qua Tờ trình về việc quyết toán thù lao HĐQT, BKS năm 2024 và phương án chi trả tiền thù lao HĐQT, BKS năm 2025.

(Nội dung chi tiết theo Tờ trình số 249/TTr/2025/DBFC ngày 25/04/2025 đính kèm).

Số cổ phần biểu quyết tán thành là: 14.352.092 cổ phần, chiếm tỷ lệ 99,999% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự và biểu quyết tại Đại hội.

Điều 5: Thông qua Tờ trình về phương án phân phối lợi nhuận và chi trả cổ tức

năm 2024, kế hoạch phân phối lợi nhuận và chi trả cổ tức năm 2025.

(Nội dung chi tiết theo Tờ trình số 250/TTr/2025/DBFC ngày 25/04/2025 đính kèm).

5.1. Phân phối lợi nhuận và chi trả cổ tức năm 2024:

Đơn vị tính: đồng

STT	Danh mục/Chỉ tiêu	Số tiền
I	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tính đến thời điểm 31/12/2024	21.591.413.186
1	Lợi nhuận sau thuế năm 2024:	16.142.979.012
2	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối các năm trước chuyển sang:	5.448.434.174
II	Trích lập các quỹ năm 2024	807.148.951
1	Quỹ khen thưởng Ban điều hành năm 2024 (5% từ lợi nhuận sau thuế năm 2024)	807.148.951
III	Lợi nhuận còn lại sau khi trích lập quỹ năm 2024:	20.784.264.235
IV	Cổ tức :	0
V	Tổng lợi nhuận còn lại chưa chia dùng để bổ sung nguồn vốn đầu tư (chuyển năm sau):	20.784.264.235

Số cổ phần biểu quyết tán thành là: 12.971.988 cổ phần, chiếm tỷ lệ 90,38% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự và biểu quyết tại Đại hội.

5.2. Kế hoạch phân phối lợi nhuận, chi trả cổ tức năm 2025

Đơn vị tính: đồng

STT	Danh mục/Chỉ tiêu	Số tiền
I	Lợi nhuận chưa phân phối sau thuế	16.498.000.000
II	Trích quỹ khen thưởng Ban điều hành năm 2025 (5% lợi nhuận sau thuế năm 2025)	824.900.000
III	Phân phối cổ tức	0

Số cổ phần biểu quyết tán thành là: 12.179.507 cổ phần, chiếm tỷ lệ 84,86% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự và biểu quyết tại Đại hội.

Điều 6: Thông qua Báo cáo của Ban kiểm soát tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025.

(Nội dung chi tiết theo Báo cáo số 251/BKS ngày 25/04/2025 của Ban kiểm soát đính kèm).

Số cổ phần biểu quyết tán thành là: 14.316.192 cổ phần, chiếm tỷ lệ 99,75% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự và biểu quyết tại Đại hội.

Điều 7: Thông qua Tờ trình về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán thực hiện soát xét

Báo cáo tài chính bán niên và kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2025.

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Ban kiểm soát quyết định việc lựa chọn một trong số các công ty kiểm toán theo đề xuất của Ban kiểm soát và giao cho Giám đốc Công ty ký hợp đồng dịch vụ soát xét Báo cáo tài chính bán niên và kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2025 như sau:

- Công ty TNHH Kiểm toán CPA Việt Nam.
- Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn A&C.
- Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC.
- Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam.

(Nội dung chi tiết theo Tờ trình số 252/2025/Tr-BKS ngày 25/04/2025 đính kèm).

Số cổ phần biểu quyết tán thành là: 14.352.292 cổ phần, chiếm tỷ lệ 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự và biểu quyết tại Đại hội.

Điều 8: Nghị quyết này đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 của Công ty cổ phần Vật liệu xây dựng và Chất đốt Đồng Nai thông qua và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 25/04/2025. Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc có trách nhiệm triển khai thực hiện Nghị quyết này./.

Nơi nhận:

- ĐHDCĐ;
- Các TV HĐQT, BKS;
- Ban GD;
- Lưu HĐQT, TC-HC;

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG



NGUYỄN THANH HOA
CHỦ TỊCH HĐQT

BIÊN BẢN HỌP
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG VÀ CHẤT ĐÓT ĐỒNG NAI

I. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY

1. Tên công ty: Công ty cổ phần Vật liệu xây dựng và Chất đốt Đồng Nai.
2. Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần mã số doanh nghiệp 3600661303 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp lần đầu ngày 06/01/2004, thay đổi lần thứ 21 ngày 21/11/2024.
3. Địa chỉ trụ sở chính: Số 255B, đường Phạm Văn Thuận, Phường Tân Mai, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.

II. THỜI GIAN, ĐỊA ĐIỂM TỔ CHỨC ĐẠI HỘI

1. Thời gian: 07h30 ngày 25 tháng 04 năm 2025.
2. Địa điểm: Hội trường Khách sạn Đồng Nai, Số 57 đường Phạm Văn Thuận, phường Tân Mai, Thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

III. THÀNH PHẦN THAM DỰ

1. Các cổ đông, đại diện cổ đông.
2. Tất cả các Thành viên Hội đồng quản trị (HĐQT), Thành viên Ban kiểm soát (BKS) và Ban điều hành Công ty.

IV. PHẦN KHAI MẠC

1. Để Đại hội tiến hành đúng quy định, Bà Vũ Thị Mai Phương - Trưởng Ban Kiểm tra tư cách cổ đông trình bày Báo cáo kiểm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội: tại thời điểm 08h30, có 35 cổ đông và đại diện được ủy quyền có mặt, đại diện 14.352.290 cổ phần, chiếm 90,56% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết/tổng số phiếu biểu quyết của Công ty.

Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty, Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 (ĐHĐCĐ) đủ điều kiện tiến hành.

2. Đại hội đồng cổ đông đã bầu Đoàn chủ tịch gồm:
 - Bà Nguyễn Thanh Hoa - Chủ tịch Hội đồng quản trị - Chủ tọa Đại hội
 - Ông Nguyễn Hoàng Linh - Thành viên HĐQT, Giám đốc - Ủy viên
 - Ông Lê Minh Khuê - Thành viên độc lập Hội đồng quản trị - Ủy viên

Thành phần Đoàn chủ tịch được Đại hội đồng cổ đông thống nhất thông qua bằng hình thức giơ Thẻ biểu quyết với tỷ lệ 100% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các cổ đông tham dự và biểu quyết tán thành.

3. Đại hội đồng cổ đông đã bầu Ban Thư ký gồm:

- Bà Bùi Thị Loan - Thư ký Công ty - Trưởng Ban
- Bà Bùi Thị Hồng Nhung - Nhân viên Phòng Kế toán - Thành viên

Thành phần Ban Thư ký được Đại hội đồng cổ đông thống nhất thông qua bằng hình thức giơ Thẻ biểu quyết với tỷ lệ 100% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các cổ đông tham dự và biểu quyết tán thành.

4. Đại hội đồng cổ đông đã bầu Ban kiểm phiếu gồm:

- Bà Vũ Thị Mai Phương - Trưởng Ban kiểm soát - Trưởng Ban
- Ông Nông Quang Đình - Trưởng phòng Kinh doanh - Thành viên
- Ông Nguyễn Hoàng Thái Trọng - Phó phòng Kế toán - Thành viên
- Ông Nguyễn Thanh Hải - Nhân viên Kế toán - Thành viên

Thành phần Ban kiểm phiếu được Đại hội đồng cổ đông thống nhất thông qua bằng hình thức giơ Thẻ biểu quyết với tỷ lệ 100% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các cổ đông tham dự và biểu quyết tán thành.

5. Ông Nông Quang Đình – thay mặt Ban tổ chức trình bày Quy chế tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 của Công ty.

Quy chế tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 được Đại hội đồng cổ đông thống nhất thông qua bằng hình thức giơ Thẻ biểu quyết với tỷ lệ 100% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các cổ đông tham dự và biểu quyết tán thành.

6. Thông qua Chương trình nghị sự của Đại hội:

Ông Nông Quang Đình – thay mặt Ban tổ chức thông báo nội dung Chương trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025, cụ thể:

Nội dung 1	Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2024 và phương hướng hoạt động năm 2025.
Nội dung 2	Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2024 và kế hoạch kinh doanh năm 2025 của Ban điều hành Công ty.
Nội dung 3	Tờ trình thông qua Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2024 (đính kèm BCTC đã được kiểm toán năm 2024).
Nội dung 4	Tờ trình về việc quyết toán thù lao HĐQT, BKS năm 2024 và phương án chi trả tiền thù lao HĐQT, BKS năm 2025.
Nội dung 5	Tờ trình về phương án phân phối lợi nhuận và chi trả cổ tức năm

2066
CÔNG
CỐ P
ĐIỀU
VÀ C
D
CHUYÊN

	2024, kế hoạch phân phối lợi nhuận và chi trả cổ tức năm 2025.
Nội dung 6	Báo cáo của Ban kiểm soát tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025.
Nội dung 7	Tờ trình về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán thực hiện soát xét BCTC bán niên và kiểm toán BCTC năm 2025.

Chương trình nghị sự của Đại hội được Đại hội đồng cổ đông thống nhất thông qua bằng hình thức giơ Thẻ biểu quyết với tỷ lệ 100% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các cổ đông tham dự và biểu quyết tán thành.

V. NỘI DUNG BÁO CÁO, TỜ TRÌNH

1. Bà Nguyễn Thanh Hoa - Chủ tịch HĐQT Công ty trình bày Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2024 và phương hướng hoạt động năm 2025 (*Báo cáo chi tiết đính kèm*).
2. Ông Nguyễn Hoàng Linh - Giám đốc Công ty trình bày Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2024 và kế hoạch kinh doanh năm 2025 của Ban điều hành Công ty (*Báo cáo chi tiết đính kèm*).
3. Bà Vũ Thị Kim Thanh - Kế toán trưởng Công ty trình bày Tờ trình thông qua Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2024 (*Tờ trình chi tiết và báo cáo tài chính kiểm toán năm 2024 đính kèm*).
4. Bà Vũ Thị Kim Thanh - Kế toán trưởng Công ty trình bày Tờ trình về việc quyết toán thù lao HĐQT, BKS năm 2024 và phương án chi trả tiền thù lao HĐQT, BKS năm 2025 (*Tờ trình chi tiết đính kèm*).
5. Bà Vũ Thị Kim Thanh - Kế toán trưởng Công ty trình bày Tờ trình về phương án phân phối lợi nhuận và chi trả cổ tức năm 2024, kế hoạch phân phối lợi nhuận và chi trả cổ tức năm 2025 (*Tờ trình chi tiết đính kèm*).
6. Bà Vũ Thị Mai Phương - Trưởng Ban kiểm soát Công ty trình bày Báo cáo của Ban kiểm soát tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 (*Báo cáo chi tiết đính kèm*).
7. Bà Vũ Thị Mai Phương - Trưởng Ban kiểm soát Công ty trình bày Tờ trình về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán thực hiện soát xét BCTC bán niên và kiểm toán BCTC năm 2025 (*Tờ trình chi tiết đính kèm*).

VI. THẢO LUẬN

1. Ý kiến của các cổ đông:

Ý kiến 1: cổ đông Phạm Văn Nho

- Yêu cầu giải trình về khoản đầu tư tài chính ngắn hạn 258 tỷ dùng để thế chấp vay vốn ngân hàng tính đến 31/12/2024.

- Phân tích rõ hơn việc sử dụng vốn vay ngắn hạn bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh của công ty.
- Ban kiểm soát có ý kiến, đề xuất gì trong việc đầu tư ngắn hạn, sử dụng vốn vay của Ban điều hành.
- Hiện công nợ khó đòi là trên 11 tỷ, trong đó có 3,9 tỷ bị biến thủ, Ban kiểm soát căn cứ chức năng nhiệm vụ giải trình, đánh giá hiệu quả của hoạt động kiểm soát nội bộ, quản lý rủi ro trong quản lý công nợ theo quy chế hiện hành, tránh xảy ra công nợ khó đòi.
- Theo BCTC, có 38 tỷ trả trước cho công ty Viet oil, các khoản phải thu phải trả cho công ty Việt Nhật đều có ý kiến ngoại trừ và lưu ý. Ban điều hành đề xuất giải pháp, biện pháp thực hiện và trách nhiệm của các cá nhân, đơn vị có liên quan
- Đề nghị giải trình tại sao công ty không chia cổ tức.

Ý kiến 2: cổ đông Vũ Thị Hồng Thanh: công ty đang gửi 258 tỷ trong khi vay vốn 512 tỷ, đề nghị Ban điều hành giải trình về khoản tiền 258 tỷ. Công nợ phải thu phải trả rất cao, Ban điều hành có biện pháp kiểm soát công nợ khó đòi như thế nào.

Ý kiến 3: cổ đông Hoàng Anh Tuấn: Ban điều hành tìm hiểu, tiến hành lắp đặt trạm xạc điện tại các cửa hàng xăng dầu lớn và có vị trí thuận lợi để tăng doanh thu và hiệu quả trong hoạt động kinh doanh của công ty.

2. Trả lời của HĐQT và Ban điều hành:

- Vấn đề về khoản đầu tư tài chính ngắn hạn 258 tỷ: hiện nay, Ban điều hành sử dụng 258 tỷ làm tài sản đảm bảo để vay vốn ngân hàng 512 tỷ phục vụ hoạt động kinh doanh của công ty.
- Vấn đề về hàng tồn kho 175 tỷ: công ty thực hiện theo đúng quy định của nhà nước về thời gian lưu trữ hàng tồn kho đối với thương nhân phân phối.
- Khoản công nợ khó đòi: khoản 3,9 tỷ bị biến thủ đã xảy ra từ các năm trước và đã được trích lập dự phòng.
- Vấn đề chia cổ tức: năm 2023 công ty phát hành thêm cổ phiếu từ nguồn vốn chủ sở hữu, hiện công ty chưa chia cổ tức mà để lại làm nguồn lực cho sự phát triển của Công ty.
- Về việc kiểm soát công nợ khách hàng: hiện với nhà cung cấp, công ty không mua hàng tương lai. Về vấn đề công nợ của khách hàng: đối với khách hàng tư nhân Công ty bán hàng thanh toán ngay và bán hàng có bảo lãnh để phòng ngừa rủi ro; Công ty chỉ bán công nợ đối với một số khách hàng của nhà nước.
- Về công nợ với công ty Xuyen Việt Oil: Xuyen Việt Oil đã cam kết trả nợ bằng việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho Công ty. Ban điều hành đã và đang thực hiện các thủ tục cần thiết để giải quyết vấn đề nêu trên. Ban điều hành cũng đã làm việc và lấy 1 cửa hàng của Xuyen Việt Oil về kinh doanh và cửa hàng hoạt động ổn định, đạt sản

lượng rất khả quan.

- Về việc đầu tư trạm sạc tại các CHXD bán lẻ có vị trí thuận lợi: công ty đang xây dựng phương án và đánh giá hiệu quả liên quan tới việc đầu tư trạm sạc.

3. Trả lời của Ban kiểm soát: Ban kiểm soát đề nghị Ban điều hành sử dụng hiệu quả, an toàn và đúng quy định các khoản đầu tư tài chính, vốn vay.

VII. BIỂU QUYẾT

1. Bà Vũ Thị Mai Phương - Trưởng Ban kiểm phiếu hướng dẫn Đại hội thực hiện biểu quyết bằng Phiếu biểu quyết đề thông qua các vấn đề theo quy định tại Quy chế tổ chức Đại hội đã được thông qua.

2. Chủ tọa điều khiển Đại hội tiến hành biểu quyết bằng Phiếu biểu quyết đề thông qua các vấn đề tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025.

3. Các cổ đông và đại diện được ủy quyền tham dự Đại hội đã tiến hành biểu quyết bằng Phiếu biểu quyết đề thông qua các nội dung vừa được trình bày tại Đại hội.

4. Ban kiểm phiếu thực hiện kiểm phiếu biểu quyết theo quy định.

5. Bà Vũ Thị Mai Phương - Trưởng Ban Kiểm tra tư cách cổ đông trình bày Báo cáo kiểm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội tại thời điểm bỏ phiếu thông qua các nội dung của Đại hội: tại thời điểm 10 giờ 30 phút, có **37** cổ đông và người đại diện được ủy quyền có mặt, đại diện **14.352.292** cổ phần, chiếm **90,56%** tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.

VIII. KẾT QUẢ BIỂU QUYẾT TẠI ĐẠI HỘI

Bà Vũ Thị Mai Phương - Trưởng Ban kiểm phiếu công bố kết quả biểu quyết các nội dung của Đại hội như sau:

1. Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2024 và phương hướng hoạt động năm 2025.

Tán thành: 14.306.192 cổ phần, chiếm tỷ lệ 99,68% tổng số phiếu biểu quyết tham dự và biểu quyết tại Đại hội.

Không tán thành: 46.100 phiếu, chiếm tỷ lệ 0,32% tổng số phiếu biểu quyết tham dự và biểu quyết tại Đại hội.

Không có ý kiến: 0 phiếu, chiếm tỷ lệ 0% tổng số phiếu biểu quyết tham dự và biểu quyết tại Đại hội.

Căn cứ theo Luật Doanh nghiệp 2020, Điều lệ Công ty, Quy chế tổ chức Đại hội, nội dung này được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 thống nhất thông qua với tỷ lệ 99,68% % tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các cổ đông tham dự và biểu quyết tán thành.

2. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2024 và kế hoạch kinh doanh năm 2025 của Ban điều hành Công ty.

Tán thành: 14.352.292 cổ phần, chiếm tỷ lệ 100% tổng số phiếu biểu

quyết tham dự và biểu quyết tại Đại hội.

Không tán thành: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% tổng số phiếu biểu quyết tham dự và biểu quyết tại Đại hội.

Không có ý kiến: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% tổng số phiếu biểu quyết tham dự và biểu quyết tại Đại hội.

Căn cứ theo Luật Doanh nghiệp 2020, Điều lệ Công ty, Quy chế tổ chức Đại hội, nội dung này được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 thống nhất thông qua với tỷ lệ 100% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các cổ đông tham dự và biểu quyết tán thành.

3. Tờ trình thông qua Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2024.

Tán thành: 14.352.292 cổ phần, chiếm tỷ lệ 100% tổng số phiếu biểu quyết tham dự và biểu quyết tại Đại hội.

Không tán thành: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% tổng số phiếu biểu quyết tham dự và biểu quyết tại Đại hội.

Không có ý kiến: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% tổng số phiếu biểu quyết tham dự và biểu quyết tại Đại hội.

Căn cứ theo Luật Doanh nghiệp 2020, Điều lệ Công ty, Quy chế tổ chức Đại hội, nội dung này được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 thống nhất thông qua với tỷ lệ 100% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các cổ đông tham dự và biểu quyết tán thành.

4. Tờ trình về việc quyết toán thù lao HĐQT, BKS năm 2024 và phương án chi trả tiền thù lao HĐQT, BKS năm 2025.

Tán thành: 14.352.092 cổ phần, chiếm tỷ lệ 99,999% tổng số phiếu biểu quyết tham dự và biểu quyết tại Đại hội.

Không tán thành: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% tổng số phiếu biểu quyết tham dự và biểu quyết tại Đại hội.

Không có ý kiến: 200 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,001% tổng số phiếu biểu quyết tham dự và biểu quyết tại Đại hội.

Căn cứ theo Luật Doanh nghiệp 2020, Điều lệ Công ty, Quy chế tổ chức Đại hội, nội dung này được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 thống nhất thông qua với tỷ lệ 99,999% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các cổ đông tham dự và biểu quyết tán thành.

5. Tờ trình về phương án phân phối lợi nhuận và chi trả cổ tức năm 2024, kế hoạch phân phối lợi nhuận và chi trả cổ tức năm 2025.

5.1. Phương án phân phối lợi nhuận và chi trả cổ tức năm 2024:

Tán thành:	12.971.988 cổ phần, chiếm tỷ lệ 90,38% tổng số phiếu biểu quyết tham dự và biểu quyết tại Đại hội.
Không tán thành:	1.356.321 cổ phần, chiếm tỷ lệ 9,45% tổng số phiếu biểu quyết tham dự và biểu quyết tại Đại hội.
Không có ý kiến:	23.983 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,17 % tổng số phiếu biểu quyết tham dự và biểu quyết tại Đại hội.

Căn cứ theo Luật Doanh nghiệp 2020, Điều lệ Công ty, Quy chế tổ chức Đại hội, nội dung này được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 thống nhất thông qua với tỷ lệ 90,38% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các cổ đông tham dự và biểu quyết tán thành.

5.2. Kế hoạch phân phối lợi nhuận và chi trả cổ tức năm 2025:

Tán thành:	12.179.507 cổ phần, chiếm tỷ lệ 84,86% tổng số phiếu biểu quyết tham dự và biểu quyết tại Đại hội.
Không tán thành:	2.148.802 cổ phần, chiếm tỷ lệ 14,97% tổng số phiếu biểu quyết tham dự và biểu quyết tại Đại hội.
Không có ý kiến:	23.983 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,17% tổng số phiếu biểu quyết tham dự và biểu quyết tại Đại hội.

Căn cứ theo Luật Doanh nghiệp 2020, Điều lệ Công ty, Quy chế tổ chức Đại hội, nội dung này được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 thống nhất thông qua với tỷ lệ 84,86% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các cổ đông tham dự và biểu quyết tán thành.

6. Báo cáo của Ban kiểm soát tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025.

Tán thành:	14.316.192 cổ phần, chiếm tỷ lệ 99,75% tổng số phiếu biểu quyết tham dự và biểu quyết tại Đại hội.
Không tán thành:	36.100 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,25% tổng số phiếu biểu quyết tham dự và biểu quyết tại Đại hội.
Không có ý kiến:	0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% tổng số phiếu biểu quyết tham dự và biểu quyết tại Đại hội.

Căn cứ theo Luật Doanh nghiệp 2020, Điều lệ Công ty, Quy chế tổ chức Đại hội, nội dung này được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 thống nhất thông qua với tỷ lệ 99,75% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các cổ đông tham dự và biểu quyết tán thành.

7. Tờ trình về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán thực hiện soát xét BCTC bán niên và kiểm toán BCTC năm 2025.

Tán thành:	14.352.292 cổ phần, chiếm tỷ lệ 100% tổng số phiếu biểu quyết tham dự và biểu quyết tại Đại hội.
------------	--

Không tán thành: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% tổng số phiếu biểu quyết tham dự và biểu quyết tại Đại hội.

Không có ý kiến: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% tổng số phiếu biểu quyết tham dự và biểu quyết tại Đại hội.

Căn cứ theo Luật Doanh nghiệp 2020, Điều lệ Công ty, Quy chế tổ chức Đại hội, nội dung này được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 thống nhất thông qua với tỷ lệ 100% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các cổ đông tham dự và biểu quyết tán thành.

IX. THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT VÀ BIÊN BẢN ĐẠI HỘI

- Bà Bùi Thị Loan - Thư ký Đại hội trình bày Biên bản và Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên năm 2025.

- Biên bản họp và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 được biểu quyết bằng phương thức giơ Thẻ biểu quyết.

- Kết quả biểu quyết như sau:

1. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 của Công ty

Tán thành: 14.352.292 cổ phần, chiếm tỷ lệ 100% tổng số phiếu biểu quyết tham dự và biểu quyết tại Đại hội.

Không tán thành: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% tổng số phiếu biểu quyết tham dự và biểu quyết tại Đại hội.

Không có ý kiến: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% tổng số phiếu biểu quyết tham dự và biểu quyết tại Đại hội.

Căn cứ theo Luật Doanh nghiệp 2020, Điều lệ Công ty, Quy chế tổ chức Đại hội, nội dung này được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 thống nhất thông qua bằng hình thức giơ Thẻ biểu quyết với tỷ lệ 100% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các cổ đông tham dự và biểu quyết tán thành.

2. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 của Công ty

Tán thành: 14.352.292 cổ phần, chiếm tỷ lệ 100% tổng số phiếu biểu quyết tham dự và biểu quyết tại Đại hội.

Không tán thành: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% tổng số phiếu biểu quyết tham dự và biểu quyết tại Đại hội.

Không có ý kiến: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% tổng số phiếu biểu quyết tham dự và biểu quyết tại Đại hội

Căn cứ theo Luật Doanh nghiệp 2020, Điều lệ Công ty, Quy chế tổ chức Đại hội, nội dung này được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 thống nhất thông qua bằng hình thức giơ Thẻ biểu quyết với tỷ lệ 100% tổng số phiếu biểu quyết của

QUY
Y
N
DUNG
CỐT
AI
CHẾ

tất cả các cổ đông tham dự và biểu quyết tán thành.

Biên bản này do Thư ký cuộc họp ghi lại đầy đủ và trung thực, đã được đọc trước Đại hội và được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 thông qua trước khi kết thúc phiên họp.

Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 của Công ty cổ phần Vật liệu Xây dựng và Chất đốt Đồng Nai bế mạc vào hồi 11h15 cùng ngày.

Biên bản được lập với chữ ký của Chủ toạ và Thư ký như dưới đây:

**TM. BAN THƯ KÝ
TRƯỞNG BAN**



BÙI THỊ LOAN

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA**



**NGUYỄN THANH HOA
CHỦ TỊCH HĐQT**

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ;
- Các TV HĐQT, Ban Kiểm soát;
- Ban GD;
- Lưu VT, VPHĐQT.



BÁO CÁO
HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2024
VÀ PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2025

-----***-----

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty CP VLXD và Chất đốt Đồng Nai

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động; Quy chế quản trị nội bộ Công ty cổ phần Vật liệu xây dựng và Chất đốt Đồng Nai ("Công ty"); Nghị quyết số 270/2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 16/04/2024 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024. Thay mặt cho Hội đồng quản trị ("HĐQT") Công ty, Tôi xin báo cáo Đại hội đồng cổ đông ("ĐHĐCĐ") về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty năm 2024; Phương hướng hoạt động năm 2025, cụ thể như sau:

PHẦN THỨ NHẤT
ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ NĂM 2024

I. Kết quả thực hiện nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2024

1. Kết quả kinh doanh năm 2024:

Theo báo cáo tài chính đã được kiểm toán, kết quả hoạt động kinh doanh năm 2024 của Công ty như sau:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ % (TH/KH)
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Tỷ đồng	4.349	3.420	78,63%
2	Tổng sản lượng bán ra xăng dầu các loại	Triệu lít	184,9	192,5	104%
3	Gas chất đốt	Tấn	1.600	1.581	98,81%
4	Dầu nhờn	Lít/kg	180.000	118.392	65,77%
5	Lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	Tỷ đồng	25,6	20,28	79,1%
6	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	20,5	16,14	78,71%

Năm 2024 thị trường xăng dầu thế giới đã ổn định hơn về cả giá và nguồn cung so với năm 2023. Thị trường xăng dầu trong nước ghi nhận những dấu ấn tích cực trong việc đảm bảo nguồn cung dù phải đối mặt với nhiều thách thức từ thiên tai cực đoan và nhu cầu sản xuất, kinh doanh, tiêu dùng tăng cao.

Đứng trước những vấn đề trên, HĐQT đã chỉ đạo Ban điều hành đàm phán với các nhà cung cấp về giá; mở rộng thị trường kinh doanh, đặc biệt là mảng bán hàng công nghiệp và bán lẻ tại các cửa hàng xăng dầu trực thuộc; chú trọng và đầu tư vào kỹ năng bán hàng và chăm sóc khách hàng, tham gia đấu thầu cung cấp nhiên liệu cho các dự án trọng điểm, làm nền tảng để ổn định và phát triển bền vững trong bối cảnh nền kinh tế có nhiều thay đổi; đảm bảo đạt sản lượng kế hoạch đã được ĐHĐCĐ năm 2024 phê duyệt.

2. Về việc phân phối các quỹ và chi trả cổ tức năm 2024:

2.1. Phân phối các quỹ từ lợi nhuận sau thuế năm 2024:

Căn cứ vào Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2024, lợi nhuận sau thuế trong năm 2024 được phân phối như sau:

- Lợi nhuận sau thuế năm 2024	:	16.142.979.012đ
- Quỹ khen thưởng Ban điều hành (5% lợi nhuận sau thuế năm 2024)	:	807.148.951đ
- Lợi nhuận còn lại chưa phân phối năm 2024	:	15.335.830.061đ
- Lợi nhuận năm trước chuyển qua	:	5.448.434.174đ
- Lợi nhuận còn lại chưa phân phối tính đến thời điểm 31/12/2024	:	20.784.264.235đ

2.2. Về việc chi trả cổ tức năm 2024:

Thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2024, Công ty không chia cổ tức cho cổ đông để tập trung ưu tiên dòng tiền sử dụng làm nguồn lực cho sự phát triển của Công ty.

3. Về việc chuyển đăng ký giao dịch Cổ phiếu của Công ty trên sàn Upcom sang niêm yết Cổ phiếu tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh – HOSE:

ĐHĐCĐ thường niên năm 2023 đã thông qua phương án chuyển sàn giao dịch từ Upcom sang niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HOSE). Thực hiện Nghị quyết số 239/2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 21/04/2023, HĐQT Công ty đã chủ động triển khai một số thủ tục cần thiết theo quy định để chuyển đăng ký giao dịch cổ phiếu từ sàn Upcom sang niêm yết cổ phiếu tại HOSE. Tuy nhiên, nhằm đảm bảo đáp ứng đầy đủ các điều kiện niêm yết diễn ra thành công và lựa chọn thời điểm phù hợp, HĐQT Công ty sẽ triển khai việc chuyển đăng ký

giao dịch cổ phiếu của Công ty trên sàn Upcom sang niêm yết cổ phiếu tại HOSE tại thời điểm phù hợp và sẽ báo cáo, xin ý kiến cổ đông trước khi thực hiện.

4. Về kết quả xin cấp phép cho Công ty làm thương nhân đầu mối xuất nhập khẩu xăng dầu:

Hiện nay, Bộ công thương đang hoàn thiện dự thảo Nghị định mới về kinh doanh xăng dầu, thay thế Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu và các Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 83/2014/NĐ-CP. HĐQT sẽ tiếp tục theo sát, kịp thời hoàn thiện hồ sơ và các điều kiện cần thiết để sau khi Nghị định mới được ban hành sẽ thực hiện xin Bộ Công thương cấp phép làm thương nhân đầu mối xuất nhập khẩu xăng dầu.

II. Hoạt động của Hội đồng quản trị trong năm 2024

1. Cơ cấu nhân sự HĐQT công ty (tính đến hết ngày 31/12/2024) gồm có:

TT	Họ và tên	Chức vụ	Ngày bắt đầu/ngày không còn là thành viên HĐQT	
			Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm/hết nhiệm kỳ
1	Bà Nguyễn Thanh Hoa	Chủ tịch HĐQT	16/04/2024	
2	Ông Vũ Hoàng Huỳnh	Thành viên	16/04/2024	
3	Ông Nguyễn Văn Chi	Thành viên	16/04/2024	
4	Ông Lê Minh Khuê	Thành viên độc lập	16/04/2024	
5	Ông Nguyễn Hoàng Linh	Thành viên	21/04/2023	
6	Ông Phạm Văn Nam	Thành viên		16/04/2024

2. Các cuộc họp và Nghị quyết của HĐQT:

Trong năm 2024, Hội đồng quản trị đã thực hiện 06 phiên họp, trong đó có họp tập trung và họp theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản. Các cuộc họp được thực hiện theo đúng trình tự, thủ tục quy định tại Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy chế nội bộ..., thông qua các chủ trương và giao nhiệm vụ cho Ban Điều hành giải quyết các vấn đề cụ thể trên cơ sở chủ trương đã được thông qua, kịp thời giải quyết những đề nghị của Ban Điều hành phát sinh trong hoạt động kinh doanh.

Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị năm 2024 (Bao gồm các Nghị quyết được thông qua bằng hình thức tổ chức cuộc họp và lấy ý kiến các thành viên HĐQT bằng văn

bản);

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày tháng	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
1	130/2024/NQ – HĐQTCĐ	01/3/2024	Thông qua thời gian, địa điểm tổ chức ĐHCĐ thường niên năm 2024, thời gian chốt danh sách cổ đông tham dự đại hội.	100%
2	202/2024/NQ – HĐQTCĐ	25/3/2024	Thông qua chương trình Đại hội, nội dung tài liệu trình ĐHCĐ thường niên năm 2024.	100%
3	203/2024/NQ – HĐQTCĐ	25/3/2024	Thông qua Quy chế công bố thông tin của Công ty.	100%
4	204/2024/NQ – HĐQTCĐ	25/3/2024	Thông qua việc cử nhân sự đại diện quản lý phần vốn và tham gia HĐQT Công ty cổ phần thương mại Long Thành.	100%
5	205/2024/NQ – HĐQTCĐ	25/3/2024	Thông qua hợp đồng, giao dịch với bên liên quan (Công ty cổ phần chứng khoán Everest).	100%
6	272/2024/NQ – HĐQTCĐ	16/4/2024	Bầu chức vụ Chủ tịch HĐQT Công ty.	100%
7	351/2024/NQ – HĐQTCĐ	15/5/2024	Quyết định chấm dứt hoạt động CHXD Dầu Giây – chi nhánh trực thuộc Công ty.	100%
8	504/2024/NQ- HĐQTCĐ	22/07/2024	Nghị quyết HĐQT thông qua chủ trương vay vốn ngân hàng BIDV Chi nhánh Nam Đồng Nai.	80%
9	694/2024/NQ- HĐQTCĐ	08/11/2024	Nghị quyết HĐQT thông qua việc vay vốn ngân hàng TMCP Quân đội chi nhánh Đồng Nai.	80%
10	695/2024/NQ- HĐQTCĐ	08/11/2024	Nghị quyết HĐQT thông qua việc vay vốn ngân hàng TMCP Ngoại thương chi nhánh Đồng Nai.	80%
11	696/2024/NQ- HĐQTCĐ	08/11/2024	Nghị quyết HĐQT thông qua việc vay vốn ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh Tam Phước Đồng Nai.	80%

3. Thủ lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát Công ty năm 2024:

Tổng số tiền thủ lao chi trả cho HĐQT, Ban kiểm soát năm 2024 là 1.218.000.000 đồng.

Trong đó:

- Chủ tịch HĐQT: 45.000.000 đồng/tháng.
- Thành viên HĐQT: 10.000.000 đồng/người/tháng.
- Trưởng Ban kiểm soát: 7.500.000 đồng/tháng.
- Thành viên Ban kiểm soát: 4.500.000 đồng/người/tháng.

4. Hoạt động của Thành viên HĐQT độc lập:

Thành viên HĐQT độc lập đã tích cực tham gia vào hoạt động của Công ty nói chung cũng như Ban Giám đốc nói riêng, đưa ra những đánh giá, ý kiến khách quan nhằm mục tiêu chung là kiện toàn công tác quản trị công ty; đồng thời hoàn thành các nhiệm vụ của HĐQT do ĐHĐCĐ giao phó.

5. Kết quả giám sát đối với Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác:

HĐQT đã thực hiện tốt việc giám sát công việc quản lý, điều hành của Ban điều hành; thường xuyên thảo luận, trao đổi với Ban điều hành về tình hình chiến lược, kết quả hoạt động kinh doanh, việc triển khai Nghị quyết của ĐHĐCĐ và Nghị quyết của HĐQT, về các vấn đề liên quan đến hoạt động kinh doanh, định hướng phát triển của Công ty; đồng thời HĐQT tiếp thu những kiến nghị, đề xuất của Ban điều hành và đã có những quyết sách kịp thời, phù hợp với tình hình chung của thị trường.

Công tác giám sát Ban điều hành và quản trị rủi ro nói chung và việc tuân thủ các quy định của Công ty trong năm 2024 được triển khai có hệ thống chặt chẽ. Đảm bảo hoạt động của Công ty ổn định, an toàn, tuân thủ theo quy định của pháp luật.

Kết quả giám sát HĐQT nhận thấy Ban Giám đốc và các cán bộ khác trong Công ty đã thực hiện nghiêm túc Nghị quyết của ĐHĐCĐ và Nghị quyết của HĐQT, tổ chức triển khai hoạt động kinh doanh – quản trị hiệu quả theo đúng chủ trương, kế hoạch đã được thông qua.

III. Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty đầu tư góp vốn, công ty liên kết trong năm 2024:

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Công ty CP thương mại Long Thành	Công ty Cổ phần Sầu riêng Tây Nguyên	Công ty TNHH Thực phẩm Rạng Đông
Số vốn góp Công ty sở hữu.	Tỷ đồng	50,2	10	1,1
Tỷ lệ sở hữu/vốn điều lệ	%	33,36	10,35	44
Doanh thu bán hàng và cung	Tỷ đồng	1.167,26	79,58	1,85

cấp dịch vụ				
Lợi nhuận trước thuế TNDN	Tỷ đồng	6,43	1,01	(0,14)
Lợi nhuận sau thuế TNDN	Tỷ đồng	5,15	1,01	(0,14)
Phân phối cổ tức/vốn điều lệ	%	dự kiến 50%	0	0

PHẦN THỨ HAI:

KẾ HOẠCH, PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT NĂM 2025

1. Đánh giá tình hình chung:

Năm 2025 là năm cả nước đặt mục tiêu tăng tốc, phấn đấu tốc độ tăng trưởng GDP đạt trên 8%, tạo tiền đề phát triển kinh tế trong các năm tiếp theo. Đây vừa là cơ hội, vừa là thách thức đối với nền kinh tế nói chung, các doanh nghiệp nói riêng. Trên cơ sở kết quả thực hiện nhiệm vụ năm 2024 và dự báo tình hình năm 2025, HĐQT đánh giá, nhận định như sau:

a. Thuận lợi:

- Tình hình kinh tế vĩ mô của Việt Nam tiếp tục ổn định; tình hình sản xuất, kinh doanh, đầu tư, xuất nhập khẩu được kỳ vọng có nhiều chuyển biến tích cực; nhu cầu xăng dầu năm 2025 dự kiến tăng 5-7% so với năm 2024; các ngành công nghiệp, giao thông vận tải và nông nghiệp sẽ tiếp tục là các lĩnh vực tiêu thụ xăng dầu chính.
- Nhiều giải pháp, chính sách được ban hành trong các năm qua sẽ tiếp tục phát huy tác dụng và có tác động tích cực đến nền kinh tế. Khung pháp lý ngày càng hoàn thiện, sẽ tạo tiền đề quan trọng để doanh nghiệp phát triển an toàn, ổn định, bền vững.

b. Khó khăn:

- Các thách thức từ chính sách thương mại của Mỹ và sự bất ổn chính trị, kinh tế ở các nền kinh tế lớn của EU sẽ tiếp tục tác động đến tình hình kinh tế chung.
- Giá dầu thô thế giới sẽ có nhiều biến động do ảnh hưởng của nhu cầu tăng trưởng chưa khả quan, do tình hình khai thác và sản lượng của OPEC, OPEC+....
- Cạnh tranh từ các loại năng lượng tái tạo, đặc biệt là xe điện và năng lượng mặt trời.

2. Định hướng hoạt động và các chỉ tiêu kế hoạch, nhiệm vụ cơ bản:

2.1. Định hướng, nhiệm vụ cơ bản:

- a. Hoàn thiện hồ sơ và các điều kiện cần thiết để xin cấp phép làm thương nhân đầu mối xuất nhập khẩu xăng dầu sau khi Nghị định mới về kinh doanh xăng dầu được ban hành.
- b. Thực hiện quyền và trách nhiệm của Hội đồng quản trị được quy định tại Điều lệ, các Quy chế, Quy định của Công ty; đảm bảo thực hiện tốt mục tiêu của ĐHCĐ và đảm bảo quyền lợi cho cổ đông.

- c. Tập trung ưu tiên nguồn lực vào các lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty để hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh năm 2025 do Đại hội đồng cổ đông giao.
- d. Tiếp tục nâng cao năng lực quản trị tài chính; đảm bảo tài chính toàn Công ty an toàn, hiệu quả.
- e. Tiếp tục giải quyết các vướng mắc liên quan đến khoản trả trước tiền hàng cho Công ty Cổ phần Việt Oil với số tiền là 37.991.800.000đ.
- f. Tăng cường công tác dự báo các biến động liên quan đến tình hình xăng dầu, chủ động, linh hoạt điều chỉnh chiến lược kinh doanh của Công ty đảm bảo phù hợp tình hình thị trường xăng dầu nói chung và tình hình kinh doanh của Công ty nói riêng. Tìm kiếm khách hàng mới, chăm sóc khách hàng cũ; nâng cao chất lượng phục vụ để đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của khách hàng.
- g. Tăng cường công tác giám sát, phối hợp cùng Ban Giám đốc và các phòng ban bộ phận điều hành hoạt động của Công ty đạt hiệu quả cao. Chỉ đạo đẩy mạnh và đổi mới công tác đào tạo, tuyển dụng, quy hoạch, bổ nhiệm hợp lý. Quan tâm đến thu nhập, quyền lợi cho CBNV.
- h. Xây dựng định hướng, chủ trương để thực hiện các chỉ tiêu Nghị quyết của ĐHĐCĐ năm 2025.

2.2. Chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh dự kiến năm 2025

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	KH năm 2025
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Tỷ đồng	3.605
2	Tổng sản lượng xăng dầu bán ra	Triệu lít	197,62
3	Gas chất đốt	Tấn	1.600
4	Dầu nhờn	Lít	180.000
5	Lợi nhuận trước thuế TNDN	Tỷ đồng	20,6
6	Lợi nhuận sau thuế TNDN	Tỷ đồng	16,5
7	Phân phối cổ tức	%	0

Trong quá trình triển khai thực hiện, tùy thuộc vào tình hình thực tế kinh doanh, HĐQT sẽ chỉ đạo Ban Giám đốc tính toán và điều chỉnh các phương án, đảm bảo đạt các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh đã đề ra.

PHẦN THỨ BA

KẾT LUẬN

Trên đây là báo cáo tổng kết hoạt động Hội đồng quản trị năm 2024 và phương hướng hoạt động năm 2025. Hội đồng quản trị Công ty xin trân trọng cảm ơn sự tin tưởng của Quý vị cổ đông đã sát cánh với Công ty trong năm vừa qua; đồng thời đánh giá cao sự tận tâm, nỗ lực của Ban Giám đốc và CBCNV về tinh thần đoàn kết, đồng lòng của tập thể cán bộ công

nhân viên Công ty đã kiên trì vượt khó, cùng nhau xây dựng để Công ty ổn định và phát triển như hôm nay.

Chúng tôi tin tưởng rằng, với những gì chúng ta đã và đang tiếp tục nỗ lực phấn đấu không ngừng, cùng với sự gắn bó, tin tưởng, ủng hộ của Quý vị. Công ty chúng ta sẽ tiếp tục sản xuất kinh doanh có hiệu quả hơn trong những năm tiếp theo.

Xin kính chúc các Quý vị cổ đông nhiều sức khỏe, hạnh phúc và thành công trong cuộc sống!

Xin trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ;
- TV HĐQT, BKS;
- Ban Giám đốc;
- Lưu: HĐQT, TCHC.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Nguyễn Thanh Hoa

BÁO CÁO

V/v: kết quả hoạt động kinh doanh năm 2024
và phương hướng hoạt động kinh doanh năm 2025

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty CP VLXD và Chất đốt Đồng Nai

Thay mặt cho Ban điều hành Công ty cổ phần vật liệu xây dựng và Chất Đốt Đồng Nai (“Công ty”), Tôi xin báo cáo Đại hội kết quả hoạt động kinh doanh năm 2024 và kế hoạch kinh doanh năm 2025 của Ban điều hành Công ty như sau:

PHẦN 1:

KẾT QUẢ THỰC HIỆN KINH DOANH NĂM 2024

I. Tình hình chung:

Năm 2024, thị trường xăng dầu thế giới và Việt Nam đã ổn định hơn về cả giá và nguồn cung so với năm 2023; tuy nhiên vẫn gặp phải nhiều khó khăn do chịu tác động bởi các bất ổn chính trị, áp lực tăng giá của đồng đô la Mỹ, tăng trưởng kinh tế, thương mại, đầu tư toàn cầu phục hồi chậm. Tại Việt Nam, thị trường xăng dầu ghi nhận những dấu ấn tích cực trong việc đảm bảo nguồn cung dù phải đối mặt với nhiều thách thức.

II. Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2024

1. Về kết quả kinh doanh năm 2024:

1.1. Kết quả thực hiện kế hoạch năm 2024 toàn Công ty:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2024	Thực hiện năm 2024	Tỷ lệ TH/KH năm 2024
I.	Sản Lượng				
1	Tổng sản lượng bán ra xăng dầu các loại	Triệu lít	184,9	192,5	104%
2	Gas chất đốt	Tấn	1.600	1.581	98,81%
3	Dầu nhờn	Lít/kg	180.000	118.392	65,77%
II.	Tài Chính				

1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Tỷ đồng	4.349	3.420	78,63%
2	Giá vốn hàng bán	Tỷ đồng	4.261	3.344	78,47%
3	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	Tỷ đồng	88	76,2	86,22%
4	Lợi nhuận trước thuế TNDN	Tỷ đồng	25,6	20,28	79,1%
5	Thuế TNDN	Tỷ đồng	5,1	4,14	80,64%
6	Lợi nhuận sau thuế TNDN	Tỷ đồng	20,5	16,14	78,71%

1.2. Kết quả sản lượng năm 2024:

Sản lượng toàn Công ty đạt được trong năm 2024 là 194,1 triệu lít bao gồm xăng, dầu, gas, nhớt các loại. Đạt 104% so với kế hoạch. Chi tiết sản lượng như sau:

- Tổng sản lượng xăng dầu bán ra đạt 192,5 triệu lít, đạt 104% so với kế hoạch, đạt 101% so với cùng kỳ năm 2023.
- Tổng sản lượng Gas bán ra đạt 1.581 tấn, đạt 98,81% so với kế hoạch, đạt 178,53% so với cùng kỳ năm 2023.
- Tổng sản lượng Dầu nhờn bán ra đạt 118.392 lít, đạt 65,77% so với kế hoạch, đạt 115,41% so với cùng kỳ năm 2023.

1.3. Công tác hỗ trợ kinh doanh:

- Tổ chức hoạt động kinh doanh, bán hàng đáp ứng theo yêu cầu của thị trường, đặc biệt trong các dịp Lễ, Tết.
- Kịp thời điều chỉnh chính sách kinh doanh đảm bảo phù hợp với định hướng và tình hình chung của thị trường; tăng khả năng chủ động, linh hoạt của các CHXD trực thuộc, gia tăng sản lượng bán hàng.
- Triển khai hoàn thiện công tác xuất hóa đơn theo từng lần bán hàng và đào tạo nhân sự tại các cửa hàng xăng dầu trực thuộc đáp ứng yêu cầu theo quy định.

- Đảm bảo an toàn PCCC, an ninh trật tự tại các cửa hàng xăng dầu trực thuộc.
- Xây dựng kế hoạch bảo vệ hệ thống Công nghệ thông tin và an ninh mạng.

2. Về công tác tổ chức, lao động, tiền lương:

- Tổng số lao động đến hết ngày 31/12/2024 là: 121 người, giảm 12 người so với cùng kỳ năm 2023.

- Ban điều hành Công ty có sự thay đổi về nhân sự như sau: Bổ nhiệm Bà Trần Thị Ái Liên làm Phó Giám đốc Công ty kể từ ngày 01/01/2024 theo Nghị quyết HĐQT 847/2023/QĐ-HĐQTCD ngày 27/12/2023.
- Mặc dù tình hình kinh doanh gặp khó khăn nhưng các chế độ, chính sách cho người lao động đều được Công ty thực hiện đúng quy định, thu nhập đảm bảo mức sống ổn định của người lao động.
- Thực hiện điều chuyển nhân sự phù hợp với năng lực của từng CBNV, tinh gọn bộ máy nhân sự trong Công ty.

3. Về công tác kế hoạch và xây dựng cơ bản:

Stt	Hạng mục đầu tư năm 2024	Giá trị đầu tư (đồng)
1	Chi phí sửa chữa, bảo dưỡng	44.933.200
2	Chi phí sửa chữa, cải tạo, thiết bị văn phòng	271.782.968
3	Chi phí lắp đặt trang thiết bị cửa hàng	878.196.401
Tổng giá trị đầu tư		1.194.912.569

- Trong năm 2024, Công ty đã đầu tư, chỉnh trang, sửa chữa một số cửa hàng bán lẻ trực thuộc; đảm bảo các cửa hàng có diện mạo khang trang, sạch sẽ; hoạt động an toàn, hiệu quả và cạnh tranh với các CHXD cùng khu vực.
- Lắp đặt hoàn thiện hệ thống công nghệ xuất hóa đơn từng lần bán hàng tại các cửa hàng xăng dầu trực thuộc.
- Đối với thủ tục pháp lý về đất đai tại CHXD Suối Nho, CHXD An Bình và khu đất tại kho thủy tinh đường Võ Thị Sáu: Ban điều hành đang phối hợp làm việc với cơ quan nhà nước để đẩy nhanh việc giải quyết hồ sơ pháp lý tại các khu đất trên.
- Đối với dự án CHXD An Phước: Ban điều hành đã thực hiện đăng ký kế hoạch sử dụng đất, đang thực hiện thủ tục chuyển mục đích sử dụng đất và các thủ tục pháp lý khác để có thể thực hiện việc đầu tư xây dựng cửa hàng trong thời gian tới.
- Trong năm, thực hiện bàn giao khu đất tại CHXD Dầu Giây cho cơ quan nhà nước thực hiện dự án đường giao thông.

PHẦN II

PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2025

I. Nhận định tình hình:

- Theo Liên hợp quốc, dù mức dự báo tăng trưởng toàn cầu trong năm 2025 được nâng lên, nhưng đồng thời triển vọng kinh tế sẽ chỉ lạc quan một cách thận trọng do tình hình lãi suất cao kéo dài, nợ xấu và rủi ro địa chính trị leo thang, lan rộng sẽ tiếp tục là rào cản đối với tăng trưởng kinh tế.
- Nhận định năm 2025 thị trường xăng dầu trong nước dự kiến sẽ tăng trưởng về nhu cầu tiêu thụ. Tuy nhiên, doanh nghiệp cần linh hoạt trong việc điều chỉnh hoạt động kinh doanh để thích ứng với những thay đổi trong chính sách năng lượng và biến động của thị trường quốc tế.

II. Phương hướng thực hiện kinh doanh:

1. Các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh:

Năm 2025, Công ty xây dựng kế hoạch với một số chỉ tiêu cụ thể như sau:

STT	Các chỉ tiêu cơ bản	Đơn vị tính	Năm 2025
I.	Sản lượng		
1	Tổng sản lượng xăng dầu bán ra	Triệu lít	197,62
2	Gas chất đốt	Tấn	1.600
3	Dầu nhờn	Lít	180.000
II.	Tài chính		
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Tỷ đồng	3.605
2	Giá vốn hàng bán	Tỷ đồng	3.527
3	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	Tỷ đồng	78
4	Lợi nhuận trước thuế TNDN	Tỷ đồng	20,6
5	Thuế TNDN	Tỷ đồng	4,1
6	Lợi nhuận sau thuế TNDN	Tỷ đồng	16,5

2. Công tác kinh doanh:

- Chuẩn bị hồ sơ thực hiện thủ tục gia hạn giấy phép thương nhân phân phối xăng dầu (hết hạn vào tháng 01/2026).
- Hoàn thiện hồ sơ và các điều kiện cần thiết để xin cấp phép làm thương nhân đầu mối xuất nhập khẩu xăng dầu sau khi Nghị định mới về kinh doanh xăng dầu được ban hành.
- Tiếp tục giải quyết các vướng mắc liên quan đến khoản trả trước tiền hàng cho Công ty Cổ phần Việt Oil với số tiền là 37.991.800.000đ.
- Thực hiện chiến lược phát triển bền vững, thông qua các mục tiêu cụ thể như sau:

- + Tập trung phát triển các mặt hàng mũi nhọn: Xăng, dầu, gas, nhớt;
- + Đối với lĩnh vực kinh doanh bán lẻ: tăng cường mở rộng hệ thống cửa hàng trực thuộc bằng các hình thức mua thêm hoặc thuê lại trên nhiều địa bàn khác nhau;
- + Đối với lĩnh vực kinh doanh bán buôn: Đẩy mạnh phát triển thị trường, thực hiện giảm thiểu rủi ro công nợ bằng việc bán hàng thanh toán trước khi nhận hàng hoặc ký bảo lãnh thanh toán;
- + Đảm bảo số lượng, chất lượng hàng hóa và nguồn nhân lực;
- + Tăng cường công tác Marketing, giữ vững các khách hàng truyền thống và tìm kiếm nguồn khách hàng mới;
- + Phát triển chất lượng dịch vụ bán hàng để giữ vững thương hiệu trên thị trường xăng dầu;
- + Theo dõi sát, nắm bắt kịp thời tình hình biến động giá cả xăng dầu để điều hành dự trữ hàng hóa hợp lý, cơ hội tăng thêm lợi nhuận;
- + Tích cực tìm kiếm những thương nhân đầu mối có giá cả cạnh tranh và đảm bảo chất lượng hàng hóa theo quy định của pháp luật về từng ngành hàng.
- Hoạt động kinh doanh của Công ty và các đơn vị phải được thực hiện theo đúng các quy định của Nhà nước, của Công ty.
- Tiếp tục phát huy những lợi thế đã có và tập trung hướng tới mục tiêu mở rộng địa bàn hoạt động tại các khu vực Tây Nam Bộ và Đông Nam Bộ, tăng trưởng khách hàng và sản lượng, chuyên nghiệp hóa quá trình cung ứng sản phẩm và chăm sóc khách hàng, nâng cao uy tín và vị thế của doanh nghiệp trong lĩnh vực ngành nghề.
- Chú trọng ổn định hoạt động và phát triển tại các cửa hàng trực thuộc, tăng cường công tác chỉ đạo, kiểm tra, giám sát các đơn vị thực hiện nhiệm vụ. Quyết tâm hoàn thành và hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch năm 2025.

3. Công tác tổ chức, lao động, tiền lương

- Tăng cường đào tạo nâng cao chất lượng cán bộ quản lý, đào tạo cán bộ nguồn.
- Cập nhật kịp thời và hoàn thiện chính sách lương, cải tiến đánh giá hiệu quả công việc đối với cá nhân tập thể gắn với các chỉ tiêu công việc trong năm.
- Rà soát, soạn thảo hoàn chỉnh các hệ thống văn bản để quản lý và vận hành Công ty mang tính hệ thống và quy chuẩn.
- Rà soát, hoàn chỉnh hệ thống định biên nhân sự, sơ đồ tổ chức, sơ đồ chức danh các bộ phận phòng ban, chỉ tiêu giao việc, phân công nhiệm vụ, mô tả công việc từng chức danh; chức năng, nhiệm vụ cụ thể các phòng ban theo hướng tinh gọn, hiệu quả.

4. Công tác đầu tư xây dựng cơ bản

Công ty dự kiến thực hiện công tác đầu tư xây dựng cơ bản trong năm 2025 như sau:

- Đầu tư cơ sở vật chất; xây dựng cơ bản: tiếp tục kiểm tra, khảo sát hiện trạng, lên phương án thiết kế, xây dựng, sửa chữa các cửa hàng bán lẻ xăng dầu trực thuộc, đảm bảo phù hợp với mỹ quan để nhận diện thương hiệu thu hút khách hàng;
- Tiếp tục làm việc với các cơ quan chức năng giải quyết các vấn đề pháp lý về đất đai tại CHXD Suối Nho, CHXD An Bình và khu đất tại kho thủy tinh đường Võ Thị Sáu.
- Đầu tư xây dựng mới CHXD An Phước sau khi hoàn tất thủ tục pháp lý về đất đai;
- Lắp đặt bồn trụ cho khách hàng mới, trang bị bảng hiệu cho đại lý mới;
- Trang bị vật tư trang thiết bị, thay thế, bảo trì bảo dưỡng hệ thống các cửa hàng.

5. Các vấn đề khác

- Lên kế hoạch tìm nhà cung ứng hàng hóa dịch vụ uy tín, chất lượng đảm bảo nguồn đầu vào của quá trình kinh doanh được ổn định, giúp cho Công ty chủ động hơn trong hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Tăng cường chất lượng quản lý thông qua đầu tư công cụ, thiết bị, phần mềm hỗ trợ vận hành và quản lý; đầu tư và phát triển hệ thống phần mềm quản trị công tác kinh doanh.
- Giám sát công tác kiểm tra phòng chống cháy nổ, an ninh trật tự nhằm tạo môi trường kinh doanh an toàn, văn minh.
- Sử dụng vốn lưu động hiệu quả nhằm giảm chi phí tài chính, gia tăng lợi nhuận.

Từ kết quả đã đạt được năm 2024, đã chỉ ra đặc điểm của thị trường cung ứng xăng dầu và nội bộ doanh nghiệp, những ưu và nhược điểm trong quá trình điều hành để rút kinh nghiệm và phát huy năng lực hiện có. Với những thách thức, cơ hội trong năm 2025 và những tiền đề sẵn có, bằng sự quyết liệt và nỗ lực trong quá trình điều hành Công ty, Ban điều hành sẽ chỉ đạo CBNV hoàn thành tốt nhiệm vụ và kế hoạch đã đề ra trong năm 2025.

Xin trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ;
- TV HĐQT, BKS
- Ban điều hành;
- Lưu HĐQT, TCHC.



Nguyễn Hoàng Linh

Số: 248/TTtr/2025/DBFC

Biên Hòa, ngày 25 tháng 04 năm 2025

TỜ TRÌNH

V/v: Thông qua báo cáo tài chính kiểm toán năm 2024

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty CP VLXD và Chất đốt Đồng Nai

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần vật liệu xây dựng và chất đốt Đồng Nai;

Căn cứ Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Công ty cổ phần vật liệu xây dựng và chất đốt Đồng Nai;

Căn cứ Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần vật liệu xây dựng và Chất đốt Đồng Nai cho năm tài chính từ ngày 01/01/2024 kết thúc ngày 31/12/2024, đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam.

Thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 về việc lựa chọn đơn vị thực hiện soát xét Báo cáo tài chính bán niên và kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2024, Công ty đã lựa chọn Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam là đơn vị thực hiện soát xét Báo cáo tài chính bán niên và kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2024.

Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2024 theo hồ sơ đính kèm./.

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ;
- TV HĐQT, BKS;
- Ban Giám đốc;
- Lưu HĐQT, TC-HC.



Nguyễn Thanh Hoa

TỜ TRÌNH

V/v: Quyết toán thù lao HĐQT, BKS năm 2024
và phương án chi trả tiền thù lao HĐQT, BKS năm 2025

Kính gửi: ĐHCĐ Công ty cổ phần vật liệu xây dựng và Chất đốt Đồng Nai

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền lợi và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị (HĐQT), Ban kiểm soát (BKS) quy định trong Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần vật liệu xây dựng và chất đốt Đồng Nai;

Căn cứ Nghị quyết số 270/2024/NQ-ĐHCĐ ngày 16/04/2024 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024;

Căn cứ kết quả kinh doanh năm 2024, kế hoạch kinh doanh năm 2025 và thực tế hoạt động của Công ty, Hội đồng quản trị kính trình ĐHCĐ các nội dung sau:

A. Quyết toán chi trả thù lao cho các thành viên HĐQT, BKS năm 2024:

Căn cứ Nghị quyết số 270/2024/NQ-ĐHCĐ ngày 16/04/2024 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024, mức thù lao HĐQT, BKS như sau:

1. Số lượng thành viên HĐQT, BKS:

- Thành viên HĐQT: 05 thành viên.
- Thành viên BKS: 03 thành viên.

2. Dự kiến chi năm 2024: 1.218.000.000 đồng;

3. Thực tế thù lao đã chi năm 2024: 1.218.000.000 đồng. Trong đó:

- Chủ tịch HĐQT: 45.000.000 đ/tháng.
- Thành viên HĐQT: 10.000.000 đ/người/tháng.
- Trưởng BKS: 7.500.000 đ/tháng.
- Thành viên BKS: 4.500.000 đ/người/tháng.

B. Phương án trả thù lao cho các thành viên HĐQT, BKS năm 2025:

1. Số lượng thành viên HĐQT, BKS:

- Thành viên HĐQT: 05 thành viên.
- Thành viên BKS: 03 thành viên.

2. Dự kiến chi năm 2025: 1.218.000.000 đồng; mức chi cụ thể cho từng Thành viên do các Thành viên tự thống nhất.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua./.

Nơi nhận:

- ĐHCĐ;
- TV HĐQT, BKS;
- Ban Giám đốc;
- Lưu HĐQT, TCHC.



Số: 250/TT/2025/DBFC

Biên Hòa, ngày 25 tháng 04 năm 2025

TỜ TRÌNH

V/v: Phương án phân phối lợi nhuận và chi trả cổ tức năm 2024,
kế hoạch phân phối lợi nhuận và chi trả cổ tức năm 2025

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty CP VLXD và Chất đốt Đồng Nai

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ban hành ngày 17/06/2020;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Vật liệu xây dựng và Chất đốt Đồng Nai;

Căn cứ Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Công ty cổ phần Vật liệu xây dựng và Chất đốt Đồng Nai;

Căn cứ Nghị quyết số 270/2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 16/04/2024 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024;

Căn cứ Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần Vật liệu xây dựng và Chất đốt Đồng Nai cho năm tài chính từ ngày 01/01/2024 kết thúc ngày 31/12/2024, đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam.

Trên cơ sở kết quả hoạt động kinh doanh, Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Vật liệu xây dựng và Chất đốt Đồng Nai kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua phương án phân phối lợi nhuận, chi trả cổ tức năm 2024 và kế hoạch phân phối lợi nhuận, chi trả cổ tức năm 2025 như sau:

A. Phân phối lợi nhuận năm 2024

BẢNG PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN VÀ CHI TRẢ CỔ TÚC NĂM 2024

Đơn vị tính: đồng

STT	Danh mục	Số tiền
I	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tính đến thời điểm 31/12/2024	21.591.413.186
1	Lợi nhuận sau thuế năm 2024	16.142.979.012
2	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối các năm trước chuyển sang	5.448.434.174
II	Trích lập các quỹ năm 2024	807.148.951
1	Quỹ khen thưởng Ban điều hành năm 2024 (5% từ lợi nhuận sau thuế năm 2024)	807.148.951
III	Lợi nhuận còn lại sau khi trích lập quỹ năm 2024:	20.784.264.235
IV	Cổ tức	0
V	Tổng lợi nhuận còn lại chưa chia dùng để bổ sung nguồn vốn đầu tư (chuyển năm sau)	20.784.264.235

B. Kế hoạch phân phối lợi nhuận, chi trả cổ tức năm 2025

BẢNG KẾ HOẠCH PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN VÀ CHI TRẢ CỔ TỨC NĂM 2025

Đơn vị tính: đồng

STT	Danh mục	Số tiền
I	Lợi nhuận chưa phân phối sau thuế	16.498.000.000
II	Trích quỹ khen thưởng Ban điều hành năm 2025 (5% lợi nhuận sau thuế năm 2025)	824.900.000
III	Phân phối cổ tức	0

Số lợi nhuận còn lại chưa chia tiếp tục ưu tiên đồng tiền sử dụng làm nguồn lực cho sự phát triển của Công ty.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua./.

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ;
- TV HĐQT, BKS;
- Ban Giám đốc;
- Lưu HĐQT, TCHC.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



Nguyễn Thanh Hoa



Số: 254/BKS

Biên Hòa, ngày 25 tháng 4 năm 2025

BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT
Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần VLXD và Chất Đốt Đồng Nai

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Ban kiểm soát được quy định tại điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần VLXD và Chất đốt Đồng Nai (sau đây gọi tắt là Công ty);

Căn cứ vào Báo cáo Tài chính năm 2024 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH kiểm toán AFC Việt Nam ngày 10 tháng 3 năm 2025.

Ban kiểm soát Công ty báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông thường niên kết quả kiểm tra, giám sát và tình hình hoạt động của Ban kiểm soát trong năm 2024 như sau:

I. Hoạt động của Ban kiểm soát:

Năm 2024, Ban kiểm soát đã thực hiện công tác giám sát hoạt động của Công ty theo đúng chức năng, nhiệm vụ được quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty và luật Doanh nghiệp.

1. Kiểm soát việc tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ, quy chế, quy định của Công ty.
2. Kiểm soát việc triển khai và kết quả thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 đối với Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc.
3. Tham gia ý kiến, kiến nghị với HĐQT, Ban Giám đốc Công ty các vấn đề liên quan đến hoạt động của Công ty trong năm.
4. Thẩm tra báo cáo tài chính năm 2024 của Công ty nhằm đánh giá tính trung thực và hợp lý của các số liệu tài chính, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán và chính sách tài chính hiện hành của Việt Nam
5. Ban kiểm soát thực hiện các công tác khác theo chức năng, nhiệm vụ

II. Kết quả công tác giám sát năm 2024

1. Thẩm định báo cáo tài chính năm 2024

- Công ty đã lập và công bố Báo cáo tài chính năm 2024 phản ánh đầy đủ tình hình sản xuất kinh doanh và tài chính của Công ty, được trình bày theo các mẫu báo cáo quy định tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014.

- Báo cáo tài chính năm 2024 của Công ty được Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam kiểm toán và phát hành Báo cáo kiểm toán ngày 10/3/2025.

- Ý kiến của Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam: "Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần Vật liệu Xây dựng và Chất đốt Đồng Nai tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ: Khoản trả trước cho Công ty Cổ phần Việt Oil tại ngày 31/12/2024 với số tiền là 37.991.800.000 VNĐ, hiện đang được bà Mai Thị Ngọc Trinh cam kết trả nợ thay bằng việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất theo Bản cam kết ngày 03 tháng 11 năm 2022. Đến ngày lập Báo cáo tài chính này, Công ty vẫn chưa hoàn tất thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất nêu trên, nên giá trị khoản trả trước cho người bán của Công ty cổ phần Việt Oil vẫn chưa được cân trừ".

* Nhận xét, đánh giá một số chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính:

Các chỉ tiêu chủ yếu:

Đơn vị tính: Đồng

TÊN CHỈ TIÊU	SỐ CUỐI KỲ	SỐ ĐẦU KỲ
TÀI SẢN		
A- TÀI SẢN NGẮN HẠN	628.705.383.141	624.829.174.063
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	42.620.435.447	19.964.578.596
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	258.300.000.000	294.170.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	152.105.465.172	142.421.273.546
IV. Hàng tồn kho	175.108.909.953	162.994.348.463
V. Tài sản ngắn hạn khác	570.572.569	5.278.973.458
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	88.000.635.752	82.783.158.727
I. Các khoản phải thu dài hạn	4.137.186.000	2.123.338.000
II. Tài sản cố định	20.290.446.360	19.319.464.870
IV. Tài sản dở dang dài hạn	226.250.000	0
V. Đầu tư tài chính dài hạn	61.186.803.984	59.476.632.030
VI. Tài sản dài hạn khác	2.159.949.408	1.863.723.827
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	716.706.018.893	707.612.332.790
NGUỒN VỐN		
C- NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	536.633.975.707	543.683.268.616
I. Nợ ngắn hạn	530.376.775.701	539.089.701.949
II. Nợ dài hạn	6.257.200.006	4.593.566.667

D-VỐN CHỦ SỞ HỮU	180.072.043.186	163.929.064.174
I. Vốn chủ sở hữu	180.072.043.186	163.929.064.174
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	5.448.434.174	520.100
- LNST chưa phân phối kỳ này	16.142.979.012	5.447.914.074
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	716.706.018.893	707.612.332.790

- Tài sản ngắn hạn: 628,705 tỷ đồng, chiếm 87,72% tổng tài sản, chủ yếu là tiền, đầu tư tài chính ngắn hạn, nợ phải thu và hàng tồn kho.
- Số dư nợ phải thu ngắn hạn của khách hàng: 99,273 tỷ đồng chiếm 13,85% tổng tài sản, tăng 0,88% so với cùng kỳ năm 2023. Tổng số dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi đã trích tính đến thời điểm 31/12/2024 là 10,166 tỷ đồng.
- Tài sản dài hạn: 88,0 tỷ đồng chiếm 12,28% tổng tài sản.
- Nợ phải trả: Tổng dư nợ phải trả tại ngày 31/12/2024: 536,634 tỷ đồng chiếm 74,88% tổng nguồn vốn, giảm 1,95% so với cùng kỳ năm 2023. Trong đó tiền nợ vay: 512,68 tỷ đồng chiếm 95,54% nợ phải trả.
- Vốn chủ sở hữu: 180,072 tỷ đồng chiếm 25,12% tổng nguồn vốn. Trong đó số dư các quỹ lần lượt là:

+ Vốn góp của chủ sở hữu: 158,480 tỷ đồng

+ Lợi nhuận chưa phân phối: 21,591 tỷ đồng

Qua cơ cấu tài chính trên cho thấy:

Hoạt động chính của Công ty là kinh doanh xăng, dầu, gas. Do đó, tài sản chủ yếu là tài sản ngắn hạn, chiếm 87,72 % tổng tài sản (chủ yếu hàng tồn kho, nợ phải thu, tiền mặt, đầu tư tài chính ngắn hạn).

Nguồn vốn chủ yếu tài trợ cho hoạt động kinh doanh là nguồn vốn vay, chiếm 95,54% nợ phải trả. Số dư công nợ phải thu của khách hàng tăng 0,88% so với năm 2023 và chiếm 13,85% tổng tài sản.

*** Tình hình và cơ cấu cổ đông:**

Chi tiết vốn đầu tư của CSH	ĐVT	Tại ngày 31/12/2024	Tỷ lệ
+ Công ty CP Bến xe Quảng Ninh	VND	55.627.340.000	35,1%
+ Bà Hoàng Thị Thanh Hằng	VND	35.174.000.000	22,19%
+ Ông Lưu Công Quang	VND	14.906.570.000	9,41%
+ Tập đoàn xăng dầu Việt Nam	VND	13.102.210.000	8,27%
+ Tổng công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư - Công ty cổ phần	VND	7.924.810.000	5,00%
+ Các cổ đông khác	VND	31.745.700.000	20,03%
Cộng		158.480.630.000	100%

- Số lượng cổ đông	CD	281
- Tổng số cổ phần đang lưu hành	CP	15.848.063
- Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành	VNĐ	10.000/cổ phiếu

2. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch và Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2024

Kết quả các chỉ tiêu kế hoạch thực hiện năm 2024 như sau:

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch 2024	Thực hiện 2024	Tỷ lệ TH/KH2024
Tổng sản lượng xăng dầu bán ra	Triệu lít	184,9	192,5	104%
Ga chất đốt	Tấn	1.600	1.581	98,81%
Tổng Doanh thu	Tỷ đồng	4.349	3.420	78,63%
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	20,5	16,14	78,71%

- Tổng sản lượng xăng dầu bán ra năm 2024 là: 192,5 triệu lít đạt 104% so với kế hoạch.

- Doanh thu: 3.420 tỷ đồng đạt 78,63% so với kế hoạch.

- Lợi nhuận sau thuế: 16,14 tỷ đồng đạt 78,71% so với kế hoạch.

Hai chỉ tiêu doanh thu và lợi nhuận đều giảm so với kế hoạch Đại hội đồng cổ đông năm 2024 đề ra.

3. Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị:

Năm 2024 Hội đồng quản trị đã thực hiện 06 phiên họp (trong đó có họp tập trung và họp theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản) và ban hành 11 Nghị quyết. Tất cả các cuộc họp Hội đồng quản trị đều có sự chuẩn bị dự thảo nội dung cụ thể, thông báo cho các thành viên HĐQT và BKS nghiên cứu trước khi họp, các vấn đề nêu ra trong cuộc họp đều được thảo luận dân chủ để đưa ra các Nghị quyết cụ thể, chỉ đạo và vận hành hoạt động của Công ty tuân thủ theo đúng pháp luật và Điều lệ của Công ty, cụ thể:

- Thông qua các chủ trương và giao nhiệm vụ cho Ban điều hành giải quyết những vấn đề cụ thể trên cơ sở chủ trương đã được thông qua. Chỉ đạo, giám sát Ban giám đốc xây dựng thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng tháng. Kịp thời giải quyết những đề nghị của Ban điều hành phát sinh trong quá trình SXKD.

- Cụ thể hóa Nghị quyết ĐHĐCĐ bằng các Nghị quyết của HĐQT và chỉ đạo Ban Giám đốc điều hành và tuân thủ.

- Về việc chuyển đăng ký giao dịch Cổ phiếu của Công ty trên sàn Upcom sang niêm yết Cổ phiếu tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh – HOSE: chưa thực hiện được do Công ty chưa đáp ứng đủ một số điều kiện khi giao dịch trên sàn HOSE

- Hội đồng quản trị đã hoàn thành chức năng kiểm tra đôn đốc Ban Giám đốc trong việc thực hiện các nhiệm vụ được giao.

4. Kết quả giám sát đối với Ban Giám đốc:

- Ban Giám đốc thực hiện đúng nghị quyết của ĐHĐCĐ và các Nghị quyết của HĐQT đề ra, đảm bảo tuân thủ Điều lệ Công ty và quy định của pháp luật.
- Tổ chức triển khai hoạt động kinh doanh, quản trị hiệu quả theo đúng chủ trương, kế hoạch đã được thông qua.

5. Kiểm soát nguồn lực Công ty:

*** Công tác tổ chức lao động và tiền lương:**

- Tổng số lao động tại ngày 31/12/2024 là: 121 người.
- Tổng quỹ lương thực hiện năm 2024: 24,617 tỷ đồng.
- Công ty thực hiện chi trả tiền lương, tiền thưởng cho người lao động theo quy chế trả lương và phân phối tiền thưởng của Công ty. Thu nhập đảm bảo mức sống ổn định của người lao động.
- Việc bổ nhiệm, điều chuyển và tuyển dụng nhân sự đều xuất phát từ nhu cầu sản xuất kinh doanh. Bộ máy của Công ty đã và đang tiếp tục được hoàn thiện, nâng cao hiệu quả công tác quản lý và điều hành.

*** Tình hình thực hiện nghĩa vụ nộp ngân sách Nhà nước**

Công ty thực hiện nộp ngân sách đầy đủ và kịp thời theo quy định. Năm 2024 Công ty đã nộp ngân sách Nhà nước: 5,176 tỷ đồng.

*** Công tác đầu tư và xây dựng cơ bản năm 2024**

Trong năm 2024 Công ty đã đầu tư chỉnh trang, sửa chữa, lắp đặt thiết bị cửa hàng và văn phòng Công ty với tổng chi phí là: 1,19 tỷ đồng. Nhìn chung các thủ tục và trình tự đầu tư XD CB được triển khai đầy đủ theo quy định của pháp luật.

III. Kiến nghị và phương hướng công tác năm 2025:

Năm 2025 Ban kiểm soát sẽ khắc phục những tồn tại, hạn chế của năm 2024, tiếp tục thực hiện các quyền và nghĩa vụ được pháp luật và Điều lệ Công ty quy định. Giám sát việc tuân thủ các quy định pháp luật, công tác điều hành sản xuất kinh doanh của HĐQT, Ban giám đốc để hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty tiếp tục phát triển an toàn, hiệu quả. Ban kiểm soát có một số kiến nghị và phương hướng công tác năm 2025 như sau:

1. Kiến nghị:

- Đề nghị Ban điều hành Công ty tiến hành hoàn tất thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất theo Bản cam kết ngày 03 tháng 11 năm 2022 của bà Mai Thị Ngọc Trinh đối với khoản trả trước của Công ty cổ phần Việt Oil.

- Đề nghị HĐQT, Ban điều hành Công ty tiếp tục bám sát các cơ quan chức năng có thẩm quyền, hoàn thiện hồ sơ, thủ tục để được cấp phép cho Công ty làm thương nhân đầu mối xuất nhập khẩu xăng dầu trong thời gian tới.
- Đề nghị Ban điều hành Công ty có biện pháp thu hồi công nợ, phân loại từng khách hàng, rà soát các hợp đồng mua bán nhiên liệu, thời hạn thanh toán tại các đơn vị, tích cực đôn đốc thu hồi công nợ đúng thời hạn, phát hiện sớm những công nợ có dấu hiệu dây dưa, chậm trả để có phương án thu nợ kịp thời.
- Nâng cao chất lượng dịch vụ bán hàng để giữ vững thương hiệu trên thị trường xăng dầu. Khai thác và phát triển khách hàng mới, tích cực trong tác thu hồi công nợ. Luôn giữ vững uy tín và không ngừng nâng cao vị thế của Công ty
- Phát huy những lợi thế hiện có, tiếp tục nghiên cứu mở rộng thị trường kinh doanh ra các địa bàn lân cận, tăng trưởng khách hàng và sản lượng tiêu thụ.
- Tiếp tục nâng cao năng lực quản trị tài chính, đảm bảo tài chính công ty an toàn, hiệu quả.

2. Phương hướng công tác:

Năm 2025 Ban kiểm soát tiếp tục thực hiện đầy đủ các chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo Điều lệ Công ty và quy chế hoạt động của Ban kiểm soát.

Trên đây là toàn bộ báo cáo của Ban kiểm soát trình ĐHĐCĐ năm 2025. Rất mong nhận được sự tham gia góp ý chân thành của quý cổ đông để BKS hoàn thành tốt hơn nhiệm vụ của mình trong năm tài chính tiếp theo.

Thay mặt BKS kính chúc quý cổ đông mạnh khỏe, hạnh phúc.

Chúc Đại hội thành công tốt đẹp.

Xin trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ;
- HĐQT/ BGD;
- Lưu VT, BKS.

TM BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN
CÔNG TY CỔ PHẦN
VẬT LIỆU XÂY DỰNG
VÀ CHẤT ĐÓNG
ĐỒNG NAI
TP. BẾN HỒM, LUYỆN GIANG, NAI
Vũ Thị Mai Phương

Biên Hoà, ngày 25 tháng 04 năm 2025

TỜ TRÌNH

"V/v lựa chọn đơn vị kiểm toán thực hiện soát xét BCTC bán niên
và kiểm toán BCTC năm 2025"

Kính gửi : Đại hội đồng cổ đông CTCP VLXD và Chất đốt Đồng Nai

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14.

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Vật liệu xây dựng và Chất đốt Đồng Nai.

Thực hiện quyền hạn và nghĩa vụ được quy định tại Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật, Ban Kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 việc lựa chọn công ty kiểm toán thực hiện soát xét Báo cáo tài chính bán niên và kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2025 của Công ty như sau:

1 Ban Kiểm soát đề xuất với Đại hội đồng cổ đông tiêu thức lựa chọn đơn vị kiểm toán như sau:

- Là đơn vị kiểm toán độc lập có uy tín, thương hiệu, được nhiều công ty đại chúng tin cậy, có đội ngũ kiểm toán viên trình độ cao và nhiều kinh nghiệm.
- Là đơn vị hoạt động hợp pháp tại Việt Nam và được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng thuộc lĩnh vực chứng khoán năm 2025.
- Việc kiểm toán phải tuân thủ các quy định của chuẩn mực kế toán, hệ thống Kế toán Việt Nam.
- Có mức phí kiểm toán hợp lý, phù hợp với nội dung, chất lượng, tiến độ kiểm toán của Công ty.

2 Trên cơ sở các tiêu thức lựa chọn trên, Ban Kiểm soát đề xuất 04 Công ty kiểm toán sau đây để thực hiện soát xét Báo cáo tài chính bán niên và kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2025:

- Công ty TNHH Kiểm toán CPA Việt Nam.
- Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn A&C.
- Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC.
- Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam.

Với các đề xuất trên, Ban Kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc ủy quyền cho BKS quyết định việc lựa chọn một trong số các công ty kiểm toán theo đề xuất của Ban Kiểm soát và giao cho Giám đốc Công ty ký hợp đồng dịch vụ kiểm toán thực hiện soát xét Báo cáo tài chính bán niên và kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2025 của Công ty.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, GD
- Lưu VT, BKS.



Vũ Thị Mai Phương

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG
VÀ CHẤT ĐÓT ĐỒNG NAI**

**Báo cáo tài chính đã được kiểm toán
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024**



MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	1 – 4
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	5 – 6
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	7 – 10
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	11
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	12 – 13
Thuyết minh báo cáo tài chính	14 – 42

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị của Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng và Chất đốt Đồng Nai (sau đây gọi tắt là "Công ty") hân hạnh trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

1. Thông tin chung

Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng và Chất đốt Đồng Nai là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ doanh nghiệp nhà nước theo Quyết định số 2863/2003/QĐ.CT.UBT ngày 05 tháng 09 năm 2003 do Ủy ban Nhân dân tỉnh Đồng Nai cấp. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cổ phần số 4703000089 (số mới là 3600661303) do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp lần đầu ngày 06 tháng 01 năm 2004 và đăng ký thay đổi lần thứ 21 ngày 21 tháng 11 năm 2024.

Vốn điều lệ của Công ty tại thời điểm 31/12/2024 và 01/01/2024 là 158.480.630.000 VND, tương đương 15.848.063 cổ phần với mệnh giá 10.000 VND/cổ phần.

Cổ phiếu của Công ty được giao dịch trên sàn chứng khoán UPCoM tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán là BMF và ngày giao dịch đầu tiên là ngày 16 tháng 04 năm 2018.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: Xăng, dầu, nhớt, các chất bôi trơn (chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật);
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động. Chi tiết: Nhà hàng, quán ăn, hàng ăn uống (không bao gồm kinh doanh quán bar và các dịch vụ giải khát có kèm khiêu vũ) (chỉ hoạt động khi cơ quan có thẩm quyền chấp thuận và có đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật);
- Đại lý ô tô và xe có động cơ khác. Chi tiết: Đại lý ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống);
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống. Chi tiết: Bán buôn nông sản (thực hiện theo Quyết định số 62/2013/QĐ-TTg ngày 25/10/2013 của Thủ tướng Chính phủ);
- Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: Khí dầu mỏ hoá lỏng, chất đốt (chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật);
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Chi tiết: Bán buôn vật liệu xây dựng;
- Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét (không sản xuất tại trụ sở, chỉ hoạt động khi cơ quan có thẩm quyền chấp thuận về địa điểm và có đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật);
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét. Chi tiết: Khai thác đá (chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật);
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình. Chi tiết: Đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê (chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật);
- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác (chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật);
- Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: Bán lẻ vật liệu xây dựng;
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan. Chi tiết: Xăng, dầu, nhớt, khí dầu mỏ hoá lỏng và các chất bôi trơn (chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật);
- Trồng cây lâu năm khác. Chi tiết: Trồng cây công nghiệp (không hoạt động tại trụ sở).

Trong năm, hoạt động chính của Công ty là bán lẻ xăng, dầu, nhớt, các chất bôi trơn và khí dầu mỏ hoá lỏng, chất đốt.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại 255B Phạm Văn Thuận, Phường Tân Mai, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ngoài ra, Công ty có các đơn vị trực thuộc như sau:

STT	Tên đơn vị	Địa chỉ
1	Cửa hàng Xăng dầu Hưng Nghĩa - Chi nhánh Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng và Chất đốt Đồng Nai	Số 1, Ấp Hưng Nghĩa, Quốc lộ 1A, Xã Hưng Lộc, Huyện Thống Nhất, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
2	Cửa hàng Xăng dầu Núi Le - Chi nhánh Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng và Chất đốt Đồng Nai	Quốc lộ 1A, Tổ 14, Ấp 6, Xã Xuân Tâm, Huyện Xuân Lộc, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
3	Cửa hàng Xăng dầu Long Phước - Chi nhánh Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng và Chất đốt Đồng Nai	Số 1289, Quốc lộ 51, Tổ 25, Ấp Đất Mới, Xã Long Phước, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
4	Cửa hàng Xăng dầu Trảng Bom - Chi nhánh Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng và Chất đốt Đồng Nai	Số 242, Đường Nguyễn Hữu Cảnh, khu phố 3, Thị trấn Trảng Bom, Huyện Trảng Bom, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
5	Cửa hàng Xăng dầu Số 2 - Chi nhánh Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng và Chất đốt Đồng Nai	Số 219, Đường Phạm Văn Thuận, Phường Tân Tiến, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
6	Cửa hàng Xăng dầu Tân Biên - Chi nhánh Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng và Chất đốt Đồng Nai	Số 474/8, KP 5B, Ngã 3 Cầu Sập, Xa lộ Hà Nội, Phường Tân Biên, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
7	Cửa hàng Xăng dầu An Bình - Chi nhánh Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng và Chất đốt Đồng Nai	Số 1A, KP 10, Xa lộ Hà Nội, Phường An Bình, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
8	Cửa hàng Xăng dầu Phú Bình - Chi nhánh Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng và Chất đốt Đồng Nai	Số 2823, Quốc lộ 20, Tổ 4, Ấp Phú Tân, Xã Phú Bình, Huyện Tân Phú, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
9	Trạm Xăng dầu Trảng Dài II - Chi nhánh Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng và Chất đốt Đồng Nai	Số 36, KP.3, Tổ 10, Đường Bùi Trọng Nghĩa, Phường Trảng Dài, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
10	Văn phòng đại diện tại Thành phố Hồ Chí Minh - Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng và Chất Đốt Đồng Nai	L10-06, Tầng 10, Toà nhà Vincom Center, 72 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
11	Cửa hàng Xăng dầu Suối Nho - Chi nhánh Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng và Chất đốt Đồng Nai	Hương lộ 16, tổ 7, ấp 5B, Xã Xuân Bắc, Huyện Xuân Lộc, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

2. Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng Quản trị:

Họ tên	Chức vụ	
Bà Nguyễn Thanh Hoa	Chủ tịch Hội đồng Quản trị	
Ông Lê Minh Khuê	Thành viên	
Ông Vũ Hoàng Huỳnh	Thành viên	
Ông Nguyễn Hoàng Linh	Thành viên	
Ông Nguyễn Văn Chi	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 16/04/2024
Ông Phạm Văn Nam	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 16/04/2024

Ban kiểm soát:

Họ tên	Chức vụ	
Bà Vũ Thị Mai Phương	Trưởng ban	
Bà Nguyễn Thị Thắm	Thành viên	
Ông Nguyễn Quốc Dương	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 16/04/2024
Bà Trần Thị Ngọc Anh	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 16/04/2024

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ban Giám đốc:

Họ tên

Ông Nguyễn Hoàng Linh
Bà Nguyễn Thị Kim Oanh
Bà Trần Thị Ái Liên

Chức vụ

Giám đốc
Phó Giám đốc
Phó Giám đốc

Bổ nhiệm ngày 01/01/2024

Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho đến thời điểm lập báo cáo này như sau:

Họ tên

Ông Nguyễn Hoàng Linh

Quốc tịch

Việt Nam

Chức vụ

Giám đốc

3. Đánh giá tình hình kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 và tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 được thể hiện trong Báo cáo tài chính đính kèm.

4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong thuyết minh Báo cáo tài chính.

5. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam được chỉ định kiểm toán báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Công ty.

6. Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính.
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

7. Phê duyệt báo cáo tài chính

Hội đồng Quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



NGUYỄN THANH HOA
Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Đồng Nai, ngày 10 tháng 03 năm 2025



Công ty TNHH Kiểm Toán AFC Việt Nam
AFC Vietnam Auditing Co., Ltd.

Thành viên tập đoàn PKF Quốc tế
Member firm of PKF International

Số: 271/2025/BCKT-HCM.00914



BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi:

Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng và Chất đốt Đồng Nai

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng và Chất đốt Đồng Nai (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 10 tháng 03 năm 2025, từ trang 7 đến trang 42, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Như đã trình bày tại mục 5.4.1 của Thuyết minh báo cáo tài chính, khoản trả trước cho Công ty Cổ phần Việt Oil tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 với số tiền là 37.991.800.000 VND, hiện đang được bà Mai Thị Ngọc Trinh cam kết trả nợ thay bằng việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất theo Bản cam kết ngày 03 tháng 11 năm 2022. Đến ngày lập báo cáo tài chính này, Công ty vẫn chưa hoàn tất thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất nêu trên, nên giá trị khoản trả trước cho người bán của Công ty Cổ phần Việt Oil vẫn chưa được cân trừ.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (tiếp theo)

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ


Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng và Chất đốt Đồng Nai tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Không phù định ý kiến nêu trên, chúng tôi muốn lưu ý đến người đọc báo cáo tài chính đến mục 5.5.1 và 5.16.1 của Thuyết minh Báo cáo tài chính, Công ty đang ghi nhận công nợ phải thu khác và phải trả khác liên quan đến tiền thuê mặt bằng của Công ty TNHH Ô tô Việt Nhật ("Việt Nhật") theo hợp đồng thuê số 15/VLTĐ-TN ngày 25 tháng 12 năm 2014. Đến ngày 27 tháng 12 năm 2023, Việt Nhật không tiếp tục thuê mặt bằng và bàn giao mặt bằng cho Công ty. Đến thời điểm phát hành báo cáo này, Việt Nhật và Công ty vẫn đang thương thảo về việc xử lý đối với khoản công nợ này.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi không liên quan đến vấn đề nhấn mạnh nêu trên.




NGUYỄN THỊ THANH MINH
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán 0068-2023-009-1
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM
Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 03 năm 2025



LÊ HUỖNH BÁO
Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán 5449-2021-009-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
TÀI SẢN				
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		628.705.383.141	624.829.174.063
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	42.620.435.447	19.964.578.596
1. Tiền	111		17.620.435.447	19.964.578.596
2. Các khoản tương đương tiền	112		25.000.000.000	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5.2	258.300.000.000	294.170.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		258.300.000.000	294.170.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		152.105.465.172	142.421.273.546
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	99.273.024.163	91.764.266.880
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	48.885.516.803	44.764.763.758
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.5	10.199.043.981	10.822.352.372
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.6	(10.165.927.569)	(8.843.917.258)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139	5.7	3.913.807.794	3.913.807.794
IV. Hàng tồn kho	140	5.8	175.108.909.953	162.994.348.463
1. Hàng tồn kho	141		175.108.909.953	162.994.348.463
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		570.572.569	5.278.973.458
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.9	357.693.568	408.046.602
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		212.879.001	4.870.926.856
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		88.000.635.752	82.783.158.727
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		4.137.186.000	2.123.338.000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212	5.4	3.207.296.000	1.394.448.000
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	5.5	929.890.000	728.890.000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		20.290.446.360	19.319.464.870
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.10	9.132.978.059	8.051.544.124
- Nguyên giá	222		36.968.731.946	34.091.867.241
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(27.835.753.887)	(26.040.323.117)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.11	11.157.468.301	11.267.920.746
- Nguyên giá	228		12.677.677.564	12.677.677.564
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.520.209.263)	(1.409.756.818)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		226.250.000	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		226.250.000	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	5.2	61.186.803.984	59.476.632.030
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		51.313.489.778	49.913.222.998
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		10.000.000.000	10.000.000.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(126.685.794)	(436.590.968)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		2.159.949.408	1.863.723.827
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.9	2.159.949.408	1.863.723.827
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		716.706.018.893	707.612.332.790

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
NGUỒN VỐN				
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		536.633.975.707	543.683.268.616
I. Nợ ngắn hạn	310		530.376.775.701	539.089.701.949
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.12	2.165.116.757	2.040.406.758
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.13	5.292.876.607	3.788.458.098
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.14	2.603.374.897	316.261.447
4. Phải trả người lao động	314		2.089.238.625	1.737.350.595
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.15	2.670.955.970	1.455.544.690
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		120.545.455	60.000.000
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.16	3.003.348.917	3.152.484.777
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.17	511.589.288.909	525.697.166.020
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	5.18	842.029.564	842.029.564
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		6.257.200.006	4.593.566.667
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	5.16	5.163.566.667	4.593.566.667
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.17	1.093.633.339	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		180.072.043.186	163.929.064.174
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.19	180.072.043.186	163.929.064.174
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		158.480.630.000	158.480.630.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		158.480.630.000	158.480.630.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		-	-
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		21.591.413.186	5.448.434.174
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế kỳ trước	421a		5.448.434.174	520.100
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		16.142.979.012	5.447.914.074
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		716.706.018.893	707.612.332.790



NGUYỄN HOÀNG THÁI TRỌNG
Người lập biểu



VŨ THỊ KIM THANH
Kế toán trưởng



NGUYỄN HOÀNG LINH
Giám đốc

Đồng Nai, ngày 10 tháng 03 năm 2025

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		3.420.009.031.516	3.517.086.518.002
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	11.874.365
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10	6.1	3.420.009.031.516	3.517.074.643.637
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	3.343.780.981.161	3.444.416.802.573
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		76.228.050.355	72.657.841.064
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	13.750.162.662	13.910.186.849
7. Chi phí tài chính	22	6.4	24.943.077.700	29.801.854.214
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		25.252.982.874	29.365.263.246
8. Chi phí bán hàng	25	6.5	23.850.879.203	26.300.037.550
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.6	20.571.684.705	21.535.859.275
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26))	30		20.612.571.409	8.930.276.874
11. Thu nhập khác	31	6.7	431.376.721	1.275.292.319
12. Chi phí khác	32	6.8	766.355.348	925.956.341
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(334.978.627)	349.335.978
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		20.277.592.782	9.279.612.852
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	5.14	4.134.613.770	3.831.698.778
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		16.142.979.012	5.447.914.074
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.9	1.019	873



NGUYỄN HOÀNG THÁI TRỌNG
Người lập biểu



VŨ THỊ KIM THANH
Kế toán trưởng



NGUYỄN HOÀNG LINH
Giám đốc
Đồng Nai, ngày 10 tháng 03 năm 2025

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

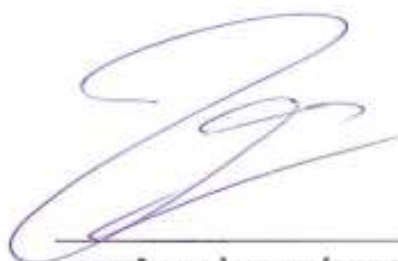
CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	20.277.592.782	9.279.612.852
2. Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao tài sản cố định và BĐSĐT	02	2.684.711.103	2.794.836.408
Các khoản dự phòng	03	1.012.105.137	2.952.238.122
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	-	-
(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(13.802.889.934)	(13.910.186.849)
Chi phí lãi vay	06	25.252.982.874	29.365.263.246
Các khoản điều chỉnh khác	07	-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	35.424.501.962	30.481.763.779
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	(7.494.610.576)	100.619.185.508
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	(12.114.561.490)	(103.932.391.939)
Tăng/(giảm) các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11	2.809.575.774	(9.425.072.914)
(Tăng)/giảm chi phí trả trước	12	(245.872.547)	(349.267.047)
(Tăng)/giảm chứng khoán kinh doanh	13	-	-
Tiền lãi vay đã trả	14	(25.433.421.555)	(29.183.589.747)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(1.850.000.000)	-
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	-
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(8.904.388.432)	(11.789.372.360)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(2.830.742.593)	(674.934.658)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	52.727.272	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(153.600.000.000)	(270.470.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	189.470.000.000	103.800.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(1.400.266.780)	(48.813.222.998)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	12.882.771.156	9.809.771.232
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	44.574.489.055	(206.348.386.424)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	2.916.169.063.184	2.500.744.858.594
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	(2.929.183.306.956)	(2.294.506.046.474)
5. Tiền trả nợ gốc thuế tài chính	35	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(13.014.243.772)	206.238.812.120

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM (50 = 20 + 30 + 40)	50	22.655.856.851	(11.898.946.664)
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU NĂM	60	19.964.578.596	31.863.525.260
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM (70 = 50 + 60 + 61)	70	42.620.435.447	19.964.578.596



NGUYỄN HOÀNG THÁI TRỌNG
Người lập biểu



VŨ THỊ KIM THANH
Kế toán trưởng



NGUYỄN HOÀNG LINH
Giám đốc

Đồng Nai, ngày 10 tháng 03 năm 2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng và Chất đốt Đồng Nai ("Công ty") là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ doanh nghiệp nhà nước theo Quyết định số 2863/2003/QĐ.CT.UBT ngày 05 tháng 09 năm 2003 do Ủy ban Nhân dân tỉnh Đồng Nai cấp. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cổ phần số 4703000089 (số mới là 3600661303) do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp lần đầu ngày 06 tháng 01 năm 2004 và đăng ký thay đổi lần thứ 21 ngày 21 tháng 11 năm 2024.

Vốn điều lệ của Công ty tại thời điểm 31/12/2024 và 01/01/2024 là 158.480.630.000 VND, tương đương 15.848.063 cổ phần với mệnh giá 10.000 VND/cổ phần.

Cổ phiếu của Công ty được giao dịch trên sàn chứng khoán UPCoM tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán là BMF và ngày giao dịch đầu tiên là ngày 16 tháng 04 năm 2018.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại 255B Phạm Văn Thuận, Phường Tân Mai, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.

1.2 Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động trong lĩnh vực thương mại.

1.3 Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: Xăng, dầu, nhớt, các chất bôi trơn (chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật);
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động. Chi tiết: Nhà hàng, quán ăn, hàng ăn uống (không bao gồm kinh doanh quán bar và các dịch vụ giải khát có kèm khiêu vũ) (chỉ hoạt động khi cơ quan có thẩm quyền chấp thuận và có đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật);
- Đại lý ô tô và xe có động cơ khác. Chi tiết: Đại lý ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống);
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống. Chi tiết: Bán buôn nông sản (thực hiện theo Quyết định số 62/2013/QĐ-TTg ngày 25/10/2013 của Thủ tướng Chính phủ);
- Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: Khí dầu mỏ hoá lỏng, chất đốt (chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật);
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Chi tiết: Bán buôn vật liệu xây dựng;
- Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét (không sản xuất tại trụ sở, chỉ hoạt động khi cơ quan có thẩm quyền chấp thuận về địa điểm và có đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật);
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét. Chi tiết: Khai thác đá (chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật);
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình. Chi tiết: Đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê (chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật);
- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác (chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật);
- Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: Bán lẻ vật liệu xây dựng;
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan. Chi tiết: Xăng, dầu, nhớt, khí dầu mỏ hoá lỏng và các chất bôi trơn (chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật);
- Trồng cây lâu năm khác. Chi tiết: Trồng cây công nghiệp (không hoạt động tại trụ sở).

Trong năm, hoạt động chính của Công ty là bán lẻ xăng, dầu, nhớt, các chất bôi trơn và khí dầu mỏ hoá lỏng, chất đốt.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

1.4 Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

1.5 Cấu trúc của Công ty

Công ty liên kết

Công ty có 2 công ty liên kết bao gồm:

Tên công ty	Thành lập theo	Địa chỉ	Ngành, nghề kinh doanh chủ yếu	Tỷ lệ phần sở hữu
Công ty TNHH Thực phẩm Rạng Đông	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3600248537 cấp lần đầu ngày 20/06/1996	01A Xa lộ Hà Nội, Phường Tân Biên, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai	Ăn uống công cộng, chế biến bữa ăn công nghiệp, kinh doanh thực phẩm và giết mổ gia súc.	44%
Công ty Cổ phần Thương mại Long Thành	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3600445359 cấp lần đầu ngày 19/01/2000	Số 286, Đường Lê Duẩn, Khu Văn Hải, Thị trấn Long Thành, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai	Kinh doanh nhiên liệu, công nghệ thực phẩm, điện máy và dịch vụ thương mại	33,36%

Thông tin về chi nhánh

Công ty có các đơn vị trực thuộc như sau:

STT	Tên đơn vị	Địa chỉ
1	Cửa hàng Xăng dầu Hưng Nghĩa - Chi nhánh Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng và Chất đốt Đồng Nai	Số 1, Ấp Hưng Nghĩa, Quốc lộ 1A, Xã Hưng Lộc, Huyện Thống Nhất, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
2	Cửa hàng Xăng dầu Núi Le - Chi nhánh Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng và Chất đốt Đồng Nai	Quốc lộ 1A, Tổ 14, Ấp 6, Xã Xuân Tâm, Huyện Xuân Lộc, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
3	Cửa hàng Xăng dầu Long Phước - Chi nhánh Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng và Chất đốt Đồng Nai	Số 1289, Quốc lộ 51, Tổ 25, Ấp Đất Mới, Xã Long Phước, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
4	Cửa hàng Xăng dầu Trảng Bom - Chi nhánh Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng và Chất đốt Đồng Nai	Số 242, Đường Nguyễn Hữu Cánh, khu phố 3, Thị trấn Trảng Bom, Huyện Trảng Bom, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
5	Cửa hàng Xăng dầu Số 2 - Chi nhánh Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng và Chất đốt Đồng Nai	Số 219, Đường Phạm Văn Thuận, Phường Tân Tiến, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
6	Cửa hàng Xăng dầu Tân Biên - Chi nhánh Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng và Chất đốt Đồng Nai	Số 474/8, KP 5B, Ngã 3 Cầu Sập, Xa lộ Hà Nội, Phường Tân Biên, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
7	Cửa hàng Xăng dầu An Bình - Chi nhánh Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng và Chất đốt Đồng Nai	Số 1A, KP 10, Xa lộ Hà Nội, Phường An Bình, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
8	Cửa hàng Xăng dầu Phú Bình - Chi nhánh Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng và Chất đốt Đồng Nai	Số 2823, Quốc lộ 20, Tổ 4, Ấp Phú Tân, Xã Phú Bình, Huyện Tân Phú, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
9	Trạm Xăng dầu Trảng Dài II - Chi nhánh Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng và Chất đốt Đồng Nai	Số 36, KP.3, Tổ 10, Đường Bùi Trọng Nghĩa, Phường Trảng Dài, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

STT	Tên đơn vị	Địa chỉ
10	Văn phòng đại diện tại Thành phố Hồ Chí Minh - Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng và Chất Đót Đồng Nai	L10-06, Tầng 10, Toà nhà Vincom Center, 72 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
11	Cửa hàng Xăng dầu Suối Nho - Chi nhánh Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng và Chất đót Đồng Nai	Hương lộ 16, tổ 7, ấp 5B, Xã Xuân Bắc, Huyện Xuân Lộc, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

1.6 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu trình bày trong Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 so sánh được với số liệu tương ứng của kỳ trước.

1.7 Nhân viên

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, tổng số nhân viên của Công ty là 121 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023: 133 người).

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty được bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ được sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính được lập và trình bày phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài Chính (Thông tư 200/2014/TT-BTC), Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 và Chuẩn mực kế toán Việt Nam.

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC, Thông tư 53/2016/TT-BTC và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán Việt Nam của Bộ Tài Chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC, Thông tư 53/2016/TT-BTC cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài Chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

4.1 Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

4.2 Các giao dịch bằng ngoại tệ

Trong năm, các nghiệp vụ phát sinh bằng đồng tiền khác với VND được quy đổi ra VND theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Vào thời điểm kết thúc năm tài chính, Công ty đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

4.3 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4.4 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá trị khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty liên kết được trích lập khi công ty liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty liên kết.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

Các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác là các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Ban Tổng Giám đốc thực hiện rà soát đối với các khoản đầu tư để ghi nhận dự phòng vào cuối kỳ kế toán.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

4.5 Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập Bảng cân đối kế toán. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

4.6 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Hàng hóa, công cụ dụng cụ bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

4.7 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ và chi phí trả trước khác

Các công cụ, dụng cụ và chi phí trả trước khác đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

4.8 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi bán hay thanh lý tài sản, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế của tài sản được xóa sổ trong báo cáo tài chính và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được tính theo phương pháp khấu hao đường thẳng theo thời gian hữu ích ước tính của các tài sản như sau:

	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	04 – 25
Máy móc thiết bị	03 – 10
Phương tiện vận tải	04 – 08
Thiết bị, dụng cụ quản lý	04 – 10

4.9 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 46 - 50 năm.

Phần mềm máy tính

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 5 năm.

4.10 Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

4.11 Tiền lương

Tiền lương phân bổ vào chi phí trong năm được căn cứ vào mức lương và các khoản phụ cấp đã được thỏa thuận trên Hợp đồng lao động.

4.12 Các khoản trích theo lương

Bảo hiểm xã hội được trích trên tiền lương theo hợp đồng lao động vào chi phí là 17,5% và trừ lương cán bộ công nhân viên là 8%.

Bảo hiểm y tế được trích trên lương vào chi phí là 3% và trừ vào lương cán bộ công nhân viên là 1,5%.

Bảo hiểm thất nghiệp được trích trên lương vào chi phí là 1% và trừ vào lương cán bộ công nhân viên là 1%.

Kinh phí công đoàn được trích trên lương vào chi phí là 2%.

4.13 Vốn góp chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Các quỹ

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

4.14 Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

4.15 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

4.16 Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn năm điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, Công ty chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp trả lại dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, Công ty chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- Đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

4.17 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm trừ khi chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa). Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành.

4.18 Thuế thu nhập hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ được kiểm tra bởi cơ quan thuế. Do sự áp dụng của luật thuế cho từng loại nghiệp vụ và việc giải thích, hiểu cũng như chấp thuận theo nhiều cách khác nhau nên số liệu của báo cáo tài chính có thể sẽ khác với số liệu của cơ quan thuế.

4.19 Bảo cáo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

4.20 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Các cá nhân/ công ty sau đây được xem là các bên có liên quan:

Cá nhân/ Công ty	Địa điểm	Quan hệ
Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam	Việt Nam	Cổ đông nắm giữ từ 5% số cổ phần có quyền biểu quyết
Tổng Công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư – Công ty Cổ phần	Việt Nam	Cổ đông nắm giữ từ 5% số cổ phần có quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Bến xe Quảng Ninh	Việt Nam	Cổ đông nắm giữ từ 5% số cổ phần có quyền biểu quyết
Công ty TNHH Thực phẩm Rạng Đông	Việt Nam	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Thương mại Long Thành	Việt Nam	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Sầu riêng Tây Nguyên	Việt Nam	Công ty đầu tư góp vốn khác
Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc		Thành viên chủ chốt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Tiền mặt - VND	12.693.715.534	3.746.286.681
Tiền gửi ngân hàng - VND	4.926.719.913	16.218.291.915
Các khoản tương đương tiền (*)	25.000.000.000	-
	42.620.435.447	19.964.578.596

(*) Các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn 3 tháng được gửi tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam với lãi suất 3,4%/năm.

5.2 Các khoản đầu tư tài chính

5.2.1 Đầu tư tài chính ngắn hạn

Khoản đầu tư tài chính ngắn hạn của Công ty bao gồm đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, chi tiết như sau:

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
Ngắn hạn				
Tiền gửi có kỳ hạn	258.300.000.000	258.300.000.000	294.170.000.000	294.170.000.000
	258.300.000.000	258.300.000.000	294.170.000.000	294.170.000.000

Khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng thương mại với lãi suất 4,1% đến 5,2%/năm. Khoản tiền gửi có kỳ hạn này đã được thế chấp cho các khoản vay của Công ty (xem thuyết minh số 5.17).

5.2.2 Đầu tư tài chính dài hạn

Khoản đầu tư tài chính dài hạn của Công ty bao gồm đầu tư vào công ty liên kết và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác, chi tiết như sau:

	31/12/2024			01/01/2024		
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư vào công ty liên kết						
Công ty TNHH Thực phẩm Rạng Đông (a)	1.100.000.000	-	(*)	1.100.000.000	-	(*)
Công ty Cổ phần Thương mại Long Thành (b)	50.213.489.778	-	(*)	48.813.222.998	-	(*)
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác						
Công ty Cổ phần Sầu riêng Tây Nguyên (c)	10.000.000.000	(126.685.794)	(*)	10.000.000.000	(436.590.968)	(*)
	61.313.489.778	(126.685.794)		59.913.222.998	(436.590.968)	

(a) Khoản đầu tư vào Công ty TNHH Thực phẩm Rạng Đông với giá trị vốn góp là 1.100.000.000 VND, chiếm tỷ lệ 44% vốn điều lệ của Công ty này. Công ty TNHH Thực phẩm Rạng Đông là công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3600248537 cấp lần đầu ngày 20 tháng 06 năm 1996 và thay đổi lần thứ 7 ngày 04 tháng 10 năm 2024. Hoạt động chính của công ty liên kết là dịch vụ ăn uống khác, chi tiết: cung ứng dịch vụ ăn uống.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

- (b) Khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Thương mại Long Thành với giá trị vốn góp là 50.213.489.778 VND tương ứng với 662.358 cổ phần, chiếm tỷ lệ 33,36% vốn điều lệ của Công ty này. Công ty Cổ phần Thương mại Long Thành là công ty cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3600445359 cấp lần đầu ngày 19 tháng 01 năm 2000 và thay đổi lần thứ 7 ngày 17 tháng 07 năm 2020. Hoạt động chính của công ty này là kinh doanh nhiên liệu, công nghệ thực phẩm, điện máy và dịch vụ thương mại.

Các giao dịch trọng yếu với công ty liên kết được trình bày tại mục 9.1.2.

- (c) Khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Sầu riêng Tây Nguyên với giá trị vốn góp là 10.000.000.000 VND tương ứng với 1.000.000 cổ phần, chiếm tỷ lệ 10,35% vốn điều lệ của Công ty này. Công ty Cổ phần Sầu riêng Tây Nguyên là công ty cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 6001394460 cấp lần đầu ngày 07 tháng 10 năm 2013 và thay đổi lần thứ 9 ngày 08 tháng 12 năm 2023. Hoạt động chính của công ty là chế biến trái cây các loại, xây dựng và phát triển cụm công nghiệp, trồng cây ăn trái theo chuẩn công nghệ cao.

- (*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và ngày 01 tháng 01 năm 2024, giá trị khoản đầu tư vào công ty liên kết và đầu tư vào đơn vị khác đang ghi nhận theo giá gốc. Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính do không có giá niêm yết trên thị trường và Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

5.3 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Phải thu các khách hàng khác		
Công ty Xi măng Nghi Sơn	17.348.112.555	26.950.235.528
Công ty Cổ phần Lizen	14.444.925.920	5.679.424.930
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Việt Khánh An	5.382.505.709	144.295.790
Công ty Cổ phần Thực phẩm CJ Cầu Tre - Chi nhánh Long An	4.178.689.086	4.980.902.619
Chi nhánh Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hà Tiên	3.123.708.216	632.698.429
Công ty TNHH Hải Âu Phát	1.218.680.003	1.218.680.003
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đèo Cả	152.376.000	4.992.134.000
Các khách hàng khác	53.424.026.674	47.165.895.581
	99.273.024.163	91.764.266.880

Công ty đã thế chấp quyền đòi nợ cho các khoản vay (xem thuyết minh số 5.17).

5.4 Trả trước cho người bán ngắn hạn, dài hạn

5.4.1 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Trả trước người bán khác		
Công ty Cổ phần Việt Oil (*)	37.991.800.000	37.991.800.000
Công ty TNHH Xăng dầu Hùng Hậu	5.011.115.000	5.020.414.937
Các nhà cung cấp khác	5.882.601.803	1.752.548.821
	48.885.516.803	44.764.763.758

- (*) Đây là khoản trả trước cho Công ty Cổ phần Việt Oil hiện đang được bà Mai Thị Ngọc Trinh cam kết trả nợ thay bằng việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất theo Bản cam kết ngày 03 tháng 11 năm 2022. Đến ngày lập báo cáo tài chính này, Công ty vẫn chưa hoàn tất thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất nêu trên, nên giá trị khoản trả trước cho người bán của Công ty Cổ phần Việt Oil vẫn chưa được cân trừ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

5.4.2 Trả trước cho người bán dài hạn

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Trả trước người bán khác		
Công ty TNHH Một thành viên Quý Như Ngọc	3.207.296.000	1.394.448.000
	3.207.296.000	1.394.448.000

5.5 Phải thu khác

5.5.1 Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác				
Phải thu về nhận chuyển nhượng cổ phần	-	-	1.389.780.000	-
Dự thu lãi tiền gửi có kỳ hạn	7.258.372.329	-	6.390.980.823	-
Thuế thu nhập cá nhân truy thu	30.965.279	-	43.514.279	-
Công ty TNHH Ô tô Việt Nhật (*)	2.354.545.464	-	2.354.545.464	-
Phải thu về vỏ bình gas	317.800.000	-	387.820.000	-
Tạm ứng nhận viên	198.000.000	-	250.499.956	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	39.360.909	-	5.211.850	-
	10.199.043.981	-	10.822.352.372	-

(*) Đây là khoản phải thu liên quan đến tiền thuê mặt bằng của Công ty TNHH Ô tô Việt Nhật theo hợp đồng thuê số 15/VLCĐ-TN ngày 25 tháng 12 năm 2014. Đến ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty chưa xuất hóa đơn cho khoản tiền thuê này.

5.5.2 Phải thu dài hạn khác

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác				
Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược	929.890.000	-	728.890.000	-
	929.890.000	-	728.890.000	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

5.6 Nợ xấu

	31/12/2024			01/01/2024		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Phải thu khách hàng						
Công ty Cổ phần Nam Thịnh Phát	470.919.993	-	(470.919.993)	470.919.993	-	(470.919.993)
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ 211	244.950.000	-	(244.950.000)	244.950.000	-	(244.950.000)
Công ty TNHH Nguyễn Hoà Bình	318.868.900	-	(318.868.900)	318.868.900	-	(318.868.900)
Công ty TNHH MTV Ngọc Tân Thành	204.365.800	-	(204.365.800)	204.365.800	-	(204.365.800)
Công ty TNHH Vận tải Thanh Đức	150.526.460	-	(150.526.460)	150.526.460	-	(150.526.460)
Công ty TNHH Trí Minh Phát	159.668.050	-	(159.668.050)	159.668.050	-	(159.668.050)
Công ty TNHH MTV TM DV XNK Vận tải Văn Anh	402.140.000	-	(402.140.000)	402.140.000	-	(402.140.000)
Công ty TNHH Hải Âu Phát	1.218.680.003	-	(1.218.680.003)	1.218.680.003	365.604.001	(853.076.002)
Công ty Cổ phần TM Lagom - Chi nhánh Sóc Trăng	523.622.120	157.086.636	(366.535.484)	523.622.120	261.811.060	(261.811.060)
Công ty TNHH Nhiên liệu Vận tải Vinh Phát	847.200.000	346.770.000	(500.430.000)	847.200.000	516.210.000	(330.990.000)
Các khách hàng khác	2.826.911.633	611.876.548	(2.215.035.085)	2.327.082.681	794.289.482	(1.532.793.199)
Tài sản thiếu chờ xử lý						
Công nợ biến thủ	3.913.807.794	-	(3.913.807.794)	3.913.807.794	-	(3.913.807.794)
	11.281.660.753	1.115.733.184	(10.165.927.569)	10.781.831.801	1.937.914.543	(8.843.917.258)

5.7 Tài sản thiếu chờ xử lý

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Công nợ biến thủ (*)	3.913.807.794	3.913.807.794
	3.913.807.794	3.913.807.794

- (*) Khoản công nợ phải thu tiền hàng bị biến thủ bởi ông Nguyễn Xuân Toàn, được phát hiện vào tháng 11 năm 2019. Theo Bản án số 09/2022/HS-ST ngày 13 tháng 01 năm 2022 của Tòa án Nhân dân tỉnh Đồng Nai, số tiền ông Nguyễn Xuân Toàn phải bồi thường cho Công ty là 3.913.807.794 VND. Công ty đã trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi với tỷ lệ 100% cho khoản công nợ này.

5.8 Hàng tồn kho

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Công cụ, dụng cụ	382.610.845	-	373.982.920	-
Hàng hóa	174.688.876.071	-	162.620.365.543	-
Hàng gửi đi bán	37.423.037	-	-	-
	175.108.909.953	-	162.994.348.463	-

Hàng hóa của Công ty được thế chấp cho các khoản vay của Công ty (xem thuyết minh số 5.17).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

5.9 Chi phí trả trước ngắn hạn, dài hạn

5.9.1 Chi phí trả trước ngắn hạn

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Chi phí sửa chữa, bảo dưỡng	14.084.835	195.979.012
Chi phí bảo hiểm	61.992.629	66.273.037
Chi phí tư vấn	131.666.667	-
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	149.949.437	145.794.553
	357.693.568	408.046.602

5.9.2 Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Chi phí sửa chữa, cải tạo, thiết bị văn phòng	480.825.777	212.417.971
Chi phí lắp đặt trang thiết bị cửa hàng	1.061.056.485	1.210.919.543
Chi phí trả trước dài hạn khác	618.067.146	440.386.313
	2.159.949.408	1.863.723.827

5.10 Tình hình tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2024	17.777.574.062	10.289.495.933	5.841.797.246	183.000.000	34.091.867.241
Mua trong năm	45.000.000	1.349.200.000	2.183.900.000	77.592.593	3.655.692.593
Giảm do thanh lý	(548.530.688)	(230.297.200)	-	-	(778.827.888)
Tại ngày 31/12/2024	17.274.043.374	11.408.398.733	8.025.697.246	260.592.593	36.968.731.946
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2024	14.652.380.124	7.327.119.100	3.980.788.825	80.035.068	26.040.323.117
Khấu hao trong năm	992.010.159	880.641.081	655.895.321	45.712.097	2.574.258.658
Giảm do thanh lý	(548.530.688)	(230.297.200)	-	-	(778.827.888)
Tại ngày 31/12/2024	15.095.859.595	7.977.462.981	4.636.684.146	125.747.165	27.835.753.887
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 01/01/2024	3.125.193.938	2.962.376.833	1.861.008.421	102.964.932	8.051.544.124
Tại ngày 31/12/2024	2.178.183.779	3.430.935.752	3.389.013.100	134.845.428	9.132.978.059

Nguyên giá tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 19.825.099.151 VND (tại ngày 01 tháng 01 năm 2024 là 19.332.847.948 VND).

Giá trị còn lại của tài sản cố định đang thế chấp cho khoản vay của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 1.422.514.008 VND (tại ngày 01 tháng 01 năm 2024 là 1.969.108.955 VND) (xem thuyết minh 5.17).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

5.11 Tình hình tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Tổng cộng VND
NGUYỄN GIÁ			
Tại 01/01/2024	12.380.391.200	297.286.364	12.677.677.564
Tại 31/12/2024	12.380.391.200	297.286.364	12.677.677.564
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại 01/01/2024	1.138.913.035	270.843.783	1.409.756.818
Khấu hao trong năm	84.009.864	26.442.581	110.452.445
Tại 31/12/2024	1.222.922.899	297.286.364	1.520.209.263
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại 01/01/2024	11.241.478.165	26.442.581	11.267.920.746
Tại 31/12/2024	11.157.468.301	-	11.157.468.301

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, giá trị còn lại của Quyền sử dụng đất dùng để thế chấp đảm bảo cho các khoản vay là 3.885.104.665 VND (tại ngày 01 tháng 01 năm 2024 là 3.969.114.529 VND) (xem thuyết minh 5.17).

5.12 Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Phải trả các nhà cung cấp khác				
Công ty TNHH MTV Thiết bị	1.143.558.000	1.143.558.000	-	-
Xăng dầu Việt				
Công ty TNHH Sản xuất và	227.460.428	227.460.428	-	-
Thương mại Triều Quế				
Thượng Đình				
Công ty TNHH Gas	99.516.120	99.516.120	283.129.968	283.129.968
Petrolimex (Sài Gòn)				
Công ty Cổ phần Vận tải	-	-	1.016.597.000	1.016.597.000
Dầu khí Việt Khánh An				
Các nhà cung cấp khác	694.582.209	694.582.209	740.679.790	740.679.790
	2.165.116.757	2.165.116.757	2.040.406.758	2.040.406.758

5.13 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Trả trước của các khách hàng khác		
Công ty TNHH Sản xuất thương mại Hồng Thoa	3.589.710.000	18.020.000
Công ty TNHH Xăng dầu Sông Đà Đồng Nai	395.680.000	-
Doanh nghiệp tư nhân Xăng dầu Hồng Xuân	280.440.000	426.800.000
Hoàng		
Công ty TNHH MTV Petro Quỳnh Mai	-	2.693.460.000
Các khách hàng khác	1.027.046.607	650.178.098
	5.292.876.607	3.788.458.098

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

5.14 Thuế và các khoản (phải thu)/phải nộp Nhà nước

	01/01/2024	Phát sinh trong năm			31/12/2024
	Phải nộp VND	Số phải nộp VND	Số đã nộp VND	Chuyển khấu trừ VND	Phải nộp VND
Thuế GTGT nội địa	-	341.670.810.019	(835.687.925)	(340.835.122.094)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	276.617.620	4.134.613.770	(1.850.000.000)	-	2.561.231.390
Thuế thu nhập cá nhân	34.643.827	359.449.513	(355.949.833)	-	38.143.507
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	2.088.727.373	(2.088.727.373)	-	-
Lệ phí môn bài	-	16.000.000	(16.000.000)	-	-
Các loại thuế và khoản phải nộp khác	5.000.000	29.103.942	(30.103.942)	-	4.000.000
	316.261.447	348.298.704.617	(5.176.469.073)	(340.835.122.094)	2.603.374.897

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho hàng tiêu thụ, dịch vụ trong nước là 5%, 8% và 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	20.277.592.782	9.279.612.852
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN:		
Các khoản điều chỉnh tăng	754.849.365	8.364.918.243
Thu nhập chịu thuế	21.032.442.147	17.644.531.095
Thu nhập được miễn thuế	(993.537.000)	(595.620.000)
Thu nhập tính thuế	20.038.905.147	17.048.911.095
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Thuế TNDN phải nộp	4.007.781.029	3.409.782.219
Điều chỉnh TNDN các năm trước	126.832.741	421.916.559
Chi phí thuế TNDN hiện hành	4.134.613.770	3.831.698.778

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 20% trên thu nhập chịu thuế.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

5.15 Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác		
Chi phí lãi vay	358.253.023	538.691.704
Trích lương tháng 13	1.229.778.390	717.921.532
Chi phí vận chuyển	858.974.731	133.653.676
Chi phí phải trả khác	223.949.826	65.277.778
	2.670.955.970	1.455.544.690

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

5.16 Phải trả ngắn hạn, dài hạn khác

5.16.1 Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác		
Tài sản thừa chờ giải quyết	114.540.349	114.540.349
Kinh phí cộng đoàn	28.616.000	46.198.000
Phải trả về vỏ bình gas	500.740.000	664.440.000
Phải trả về tiền thuê mặt bằng - Công ty TNHH Ô tô Việt Nhật	2.278.181.828	2.278.181.828
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	81.270.740	49.124.600
	3.003.348.917	3.152.484.777

5.16.2 Phải trả dài hạn khác

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác		
Nhận ký quỹ, ký cược	5.163.566.667	4.593.566.667
	5.163.566.667	4.593.566.667

5.17 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn, dài hạn

5.17.1 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác				
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Đồng Nai (a)	26.678.598.380	26.678.598.380	21.145.430.000	21.145.430.000
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Đồng Nai (b)	140.429.527.004	140.429.527.004	152.740.764.890	152.740.764.890
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nam Đồng Nai (c)	194.160.371.140	194.160.371.140	198.457.984.810	198.457.984.810
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam - Chi nhánh Phú Mỹ Hưng (d)	47.676.820.700	47.676.820.700	69.002.986.320	69.002.986.320
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Tam Phước Đồng Nai (e)	24.301.863.770	24.301.863.770	24.725.000.000	24.725.000.000
Ngân hàng TMCP Quân Đội – Chi nhánh Đồng Nai (f)	78.036.907.919	78.036.907.919	49.625.000.000	49.625.000.000
Ông Nguyễn Chí Anh	-	-	10.000.000.000	10.000.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả	305.199.996	305.199.996	-	-
	511.589.288.909	511.589.288.909	525.697.166.020	525.697.166.020

- (a) Đây là khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai theo hợp đồng cho vay hạn mức số 300039854/2024-HĐCVHM/NHCT680-CHATDOT ngày 01 tháng 08 năm 2024. Hạn mức vay là 55.000.000.000 VND. Thời hạn vay từ ngày 01 tháng 08 năm 2024 đến ngày 01 tháng 08 năm 2025. Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh xăng dầu. Lãi vay theo từng khế ước nhận nợ. Khoản vay được đảm bảo bằng các tài sản thế chấp sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại Xã Phú Bình, Huyện Tân Phú, Tỉnh Đồng Nai, thửa đất số 8, tờ bản đồ số 5 với giá trị đảm bảo là 14.166.000.000 VND theo hợp đồng thế chấp bất động sản số 01-13.62.9584/HĐTC ngày 14 tháng 08 năm 2013.
- Toàn bộ hàng hóa là nhiên liệu xăng dầu, nhớt mỡ, gas, hàng khác... với giá trị đảm bảo là 32.000.000.000 VND theo hợp đồng thế chấp hàng hóa số 14.62.300039854/HĐTC-CH ngày 18 tháng 09 năm 2014.
- Quyền đòi nợ với giá trị đảm bảo là 77.800.000.000 VND theo hợp đồng thế chấp quyền tài sản số 01/2019/HĐBĐ/NHCT680-CHATDOT ngày 30 tháng 12 năm 2019.
- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của Cửa hàng xăng dầu Long Phước, Cửa hàng xăng dầu Núi Le, Cửa hàng xăng dầu Trảng Bom, Cửa hàng xăng dầu số 2 và văn phòng Công ty với giá trị đảm bảo là 448.000.000 VND theo hợp đồng thế chấp bất động sản số 300039854/2020/HĐBĐ/NHCT680-CHATDOT-BDS ngày 01 tháng 12 năm 2020.
- Máy móc thiết bị, phương tiện vận tải với giá trị đảm bảo là 3.982.000.000 VND theo hợp đồng thế chấp động sản số 300039854/2020/HĐBĐ/NHCT680-CHATDOT ngày 01 tháng 12 năm 2020.
- Hợp đồng tiền gửi số 680/2022/13948 và Văn bản sửa đổi bổ sung hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số 680/2022/13948/PL1 với mệnh giá 7.500.000.000 VND, lãi suất 4,2%/năm, kỳ hạn 12 tháng từ ngày 05 tháng 05 năm 2024 đến ngày 05 tháng 05 năm 2025 theo hợp đồng cầm cố giấy tờ có giá số 01.300039854/2022/HĐBĐ/NHCT680-HDTG 7.5TY ngày 05 tháng 05 năm 2022.

(b) Đây là khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai theo Hợp đồng cấp tín dụng số 2024116/HDTD/QLN ngày 11 tháng 11 năm 2024, Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 2024116A/HDHM/QLN và số 2024116B/HDHM/QLN ngày 11 tháng 11 năm 2024. Hạn mức vay là 170.000.000.000 VND. Thời hạn duy trì hạn mức vay 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Mục đích vay để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh xăng dầu. Lãi suất vay theo từng khế ước nhận nợ. Khoản vay được đảm bảo bằng các tài sản thế chấp sau:

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của thửa đất số 628 tờ bản đồ số 17 và thửa đất số 58 tờ bản đồ số 17 tại Xã Xuân Thạnh, Huyện Thống Nhất, Tỉnh Đồng Nai với giá trị đảm bảo là 4.906.151.000 VND theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 2019050/HĐBĐ/QLN ngày 26 tháng 06 năm 2019 và biên bản định giá tài sản đảm bảo ngày 11 tháng 11 năm 2024.
- Quyền sử dụng đất của thửa đất số 3 tờ bản đồ số 30 tại Xã Hưng Lộc, Huyện Thống Nhất, Tỉnh Đồng Nai với giá trị đảm bảo là 10.195.219.000 VND theo hợp đồng thế chấp số 20120230/HĐBĐ/SME/NHNT ngày 10 tháng 09 năm 2012 và biên bản định giá tài sản đảm bảo ngày 11 tháng 11 năm 2024.
- Hàng hóa luân chuyển trong quá trình sản xuất, kinh doanh như xăng dầu, nhớt, mỡ, gas với giá trị đảm bảo là 70.000.000.000 VND theo hợp đồng thế chấp hàng hóa số 2020090/HĐBĐ/QLN ngày 28 tháng 07 năm 2020, hợp đồng sửa đổi bổ sung số 2020090/HĐBĐ/QLN-02 ngày 07 tháng 07 năm 2022 và biên bản định giá tài sản đảm bảo ngày 11 tháng 11 năm 2024.
- Quyền tài sản phát sinh từ các hợp đồng mua bán hàng hóa với giá trị tài sản đảm bảo quyền tài sản là 70.900.000.000 VND theo hợp đồng thế chấp quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng số 2020091/HĐBĐ/QLN ngày 28 tháng 07 năm 2020, hợp đồng sửa đổi bổ sung số 2020091/HĐBĐ/QLN-02 ngày 07 tháng 07 năm 2022 và biên bản định giá tài sản đảm bảo ngày 11 tháng 11 năm 2024.
- Các khoản tiền gửi tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam kỳ hạn 12 tháng với lãi suất từ 4,1% đến 4,2%/năm theo các hợp đồng cầm cố tiền gửi tương ứng với tổng mệnh giá 74.000.000.000 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

- (c) Đây là khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nam Đồng Nai theo Hợp đồng cấp tín dụng số 143/2024/13819238/HĐTD ngày 02 tháng 07 năm 2024. Hạn mức vay là 200.000.000.000 VND. Thời hạn duy trì hạn mức vay 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở LC. Lãi suất vay theo từng khế ước nhận nợ.

- Quyền đòi nợ với giá trị đảm bảo là 90.811.916.455 VND theo Hợp đồng thế chấp quyền đòi nợ/các khoản phải thu số 365/2023/13819238/HĐBĐ ngày 10 tháng 11 năm 2023 và biên bản định giá ngày 07 tháng 11 năm 2024.
- Hàng hóa luân chuyển trong quá trình sản xuất, kinh doanh như xăng dầu, nhớt, mỡ, gas với giá trị đảm bảo là 181.905.226.154 VND theo Hợp đồng khung thế chấp tài sản số 364/2023/13819238/HĐBĐ ngày 10 tháng 11 năm 2023 và biên bản định giá ngày 07 tháng 11 năm 2024.
- Khoản vay được đảm bảo bằng các khoản tiền gửi tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam kỳ hạn từ 3 đến 12 tháng với lãi suất từ 3,4% đến 4,7%/năm theo các hợp đồng cầm cố tiền gửi tương ứng với tổng mệnh giá 120.000.000.000 VND.

- (d) Đây là khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam - Chi nhánh Phú Mỹ Hưng theo Hợp đồng cấp tín dụng số SHBPMH/HĐTD/2023/C018 ngày 22 tháng 06 năm 2023, Phụ lục sửa đổi bổ sung số 1 ngày 05 tháng 09 năm 2023, Hợp đồng Gia hạn - Sửa đổi, Bổ sung Hợp đồng tín dụng số 02 ngày 22 tháng 06 năm 2024. Hạn mức vay là 48.000.000.000 VND. Thời hạn duy trì hạn mức vay 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động. Lãi suất vay theo từng khế ước nhận nợ.

Khoản vay được đảm bảo bằng các khoản tiền gửi tại Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam kỳ hạn 12 tháng với lãi suất từ 4,2% đến 4,6%/năm theo các hợp đồng cầm cố tiền gửi tương ứng với tổng mệnh giá 28.800.000.000 VND.

- (e) Đây là khoản vay ngắn hạn Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Tam Phước Đồng Nai theo Hợp đồng tín dụng số 5903-LAV-202400390 ngày 30 tháng 10 năm 2024. Hạn mức vay là 25.000.000.000 VND. Thời hạn duy trì hạn mức vay 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở LC. Lãi suất vay theo từng khế ước nhận nợ.

Khoản vay được đảm bảo bằng các khoản tiền gửi tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Tam Phước Đồng Nai kỳ hạn 12 tháng với lãi suất từ 4,2%/năm theo các hợp đồng cầm cố tiền gửi tương ứng với tổng mệnh giá 13.000.000.000 VND.

- (f) Đây là khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Đồng Nai theo Hợp đồng cấp tín dụng số 257324.24.720.30366329.TD ngày 18 tháng 11 năm 2024. Hạn mức vay là 170.000.000.000 VND. Thời hạn duy trì hạn mức vay kể từ ngày ký hợp đồng đến ngày 25 tháng 10 năm 2025. Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở LC. Lãi suất vay theo từng khế ước nhận nợ.

Khoản vay được đảm bảo bằng các khoản tiền gửi tại Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Đồng Nai kỳ hạn 12 tháng với lãi suất từ 4,8% đến 5,2%/năm theo các hợp đồng cầm cố tiền gửi tương ứng với tổng mệnh giá 40.000.000.000 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn trong năm như sau:

	01/01/2024	Số tiền vay phát sinh trong năm	Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn	Số tiền vay đã trả trong năm	31/12/2024
	VND	VND		VND	VND
Vay ngắn hạn ngân hàng	515.697.166.020	2.861.943.063.184	-	(2.866.356.140.291)	511.284.088.913
Vay ngắn hạn cá nhân khác	10.000.000.000	52.700.000.000	-	(62.700.000.000)	-
Vay dài hạn đến hạn trả	-	-	305.199.996	-	305.199.996
	525.697.166.020	2.914.643.063.184	305.199.996	(2.929.056.140.291)	511.589.288.909

5.17.2 Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác				
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam - Chi nhánh Phú Mỹ Hưng (g)	1.398.833.335	1.398.833.335	-	-
Vay dài hạn đến hạn trả	(305.199.996)	(305.199.996)	-	-
	1.093.633.339	1.093.633.339	-	-

- (g) Khoản vay dài hạn Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam - Chi nhánh Phú Mỹ Hưng theo Hợp đồng tín dụng số SHBPMH/HDTD/2024/C032 ngày 22 tháng 07 năm 2024 để mua xe ô tô phục vụ công việc vận hành, đi lại của doanh nghiệp. Hạn mức vay là 1.526.000.000 VND. Thời hạn vay là 60 tháng. Lãi suất cố định là 7,6%/năm áp dụng trong 12 tháng đầu tiên, sau 12 tháng lãi suất điều chỉnh hàng tháng theo thông báo của ngân hàng. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản xe ô tô Ford Explorer biển số 60K-484.61 với giá trị đảm bảo là 2.099.000.000 VND theo Hợp đồng thế chấp số SHBPMH/HDTTC/2024/C032 ngày 22 tháng 07 năm 2024.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn như sau:

	01/01/2024	Số tiền vay phát sinh trong năm	Kết chuyển sang vay và nợ ngắn hạn	Số tiền vay đã trả trong năm	31/12/2024
	VND	VND	VND	VND	VND
Vay dài hạn ngân hàng	-	1.526.000.000	(305.199.996)	(127.166.665)	1.093.633.339
	-	1.526.000.000	(305.199.996)	(127.166.665)	1.093.633.339

5.18 Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	01/01/2024	Tăng do trích lập/ nhận quỹ	Giảm khác	31/12/2024
	VND	VND	VND	VND
Quỹ khen thưởng	95.989.015	-	-	95.989.015
Quỹ phúc lợi	19.923.407	-	-	19.923.407
Quỹ thưởng Ban quản lý điều hành Công ty	726.117.142	-	-	726.117.142
	842.029.564	-	-	842.029.564

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

5.19 Vốn chủ sở hữu

5.19.1 Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2023	41.596.000.000	20.594.900.000	12.323.598.766	83.966.651.334	158.481.150.100
Tăng vốn trong năm	116.884.630.000	(20.594.900.000)	(12.323.598.766)	(83.966.131.234)	-
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	5.447.914.074	5.447.914.074
Trích Quỹ thưởng	-	-	-	(463.098.385)	(463.098.385)
Ban quản lý điều hành Công ty	-	-	-	-	-
Hoàn trích Quỹ thưởng Ban quản lý điều hành Công ty	-	-	-	463.098.385	463.098.385
Tại ngày 31/12/2023	158.480.630.000	-	-	5.448.434.174	163.929.064.174
Tại ngày 01/01/2024	158.480.630.000	-	-	5.448.434.174	163.929.064.174
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	16.142.979.012	16.142.979.012
Tại ngày 31/12/2024	158.480.630.000	-	-	21.591.413.186	180.072.043.186

5.19.2 Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (sửa đổi), vốn điều lệ của Công ty là 158.480.630.000 VND. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, vốn điều lệ đã được cổ đông góp đủ như sau:

	31/12/2024			01/01/2024		
	Số cổ phần	Giá trị cổ phần VND	Tỷ lệ %	Số cổ phần	Giá trị cổ phần VND	Tỷ lệ %
Công ty Cổ phần Bến xe Quảng Ninh	5.562.734	55.627.340.000	35,10	-	-	-
Hoàng Thị Thanh Hằng	3.517.400	35.174.000.000	22,19	3.517.400	35.174.000.000	22,19
Lưu Công Quang	1.490.657	14.906.570.000	9,41	1.490.657	14.906.570.000	9,41
Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam	1.310.221	13.102.210.000	8,27	1.310.221	13.102.210.000	8,27
Tổng Công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư - Công ty Cổ phần	792.481	7.924.810.000	5,00	792.481	7.924.810.000	5,00
Vũ Thu Trang	-	-	-	974.828	9.748.280.000	6,15
Cổ đông khác	3.174.570	31.745.700.000	20,03	7.762.476	77.624.760.000	48,98
	15.848.063	158.480.630.000	100,00	15.848.063	158.480.630.000	100,00

5.19.3 Cổ phiếu

	31/12/2024 Cổ phiếu	01/01/2024 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	15.848.063	15.848.063
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	15.848.063	15.848.063
Cổ phiếu phổ thông	15.848.063	15.848.063
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Cổ phiếu phổ thông	-	-
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	15.848.063	15.848.063
Cổ phiếu phổ thông	15.848.063	15.848.063
Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

5.20 Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán

Tài sản thuê ngoài

Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của các hợp đồng thuê hoạt động tài sản không thể hủy ngang theo các thời hạn như sau:

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Từ 1 năm trở xuống	1.820.396.421	1.449.064.141
Trên 1 năm đến 5 năm	6.671.685.687	5.573.104.570
Trên 5 năm	25.565.335.733	22.074.189.074
	<u>34.057.417.841</u>	<u>29.096.357.785</u>

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

6.1.1 Doanh thu thuần

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Doanh thu bán hàng hóa	3.418.437.624.102	3.515.624.455.603
Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.571.407.414	1.462.062.399
	<u>3.420.009.031.516</u>	<u>3.517.086.518.002</u>
Các khoản giảm trừ:		
- Giảm giá hàng bán	-	(11.874.365)
Doanh thu thuần	<u>3.420.009.031.516</u>	<u>3.517.074.643.637</u>

6.1.2 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Công ty TNHH Thực phẩm Rạng Đông	-	44.099.774
Công ty Cổ phần Sầu riêng Tây Nguyên	7.646.626	1.831.054
	<u>7.646.626</u>	<u>45.930.828</u>

6.2 Giá vốn hàng bán

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Giá vốn hàng hóa đã bán	3.343.780.981.161	3.444.416.802.573
	<u>3.343.780.981.161</u>	<u>3.444.416.802.573</u>

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	12.728.269.498	11.235.799.727
Lãi cho vay	28.356.164	2.078.767.122
Cổ tức được chia	993.537.000	595.620.000
	<u>13.750.162.662</u>	<u>13.910.186.849</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

6.4 Chi phí tài chính

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Chi phí lãi vay	25.252.982.874	29.365.263.246
Dự phòng đầu tư vào đơn vị khác	(309.905.174)	436.590.968
	24.943.077.700	29.801.854.214

6.5 Chi phí bán hàng

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Chi phí nhân viên bán hàng	16.062.271.611	17.984.568.199
Chi phí vật liệu bao bì	84.677.005	189.477.309
Chi phí dụng cụ đồ dùng	391.634.890	626.666.477
Chi phí khấu hao tài sản cố định	739.939.084	1.059.983.124
Chi phí khuyến mãi, quà tặng	827.285.218	287.482.969
Chi phí điện văn phòng	632.793.938	595.848.832
Chi phí tiếp khách	521.905.081	1.201.624.615
Chi phí bán hàng khác	4.590.372.376	4.354.386.025
	23.850.879.203	26.300.037.550

6.6 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Chi phí nhân viên quản lý	8.554.550.948	8.109.824.065
Chi phí vật liệu quản lý	563.816.861	693.440.280
Chi phí đồ dùng văn phòng	190.379.948	354.518.070
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.864.691.379	1.743.603.282
Thuế, phí và lệ phí	2.122.734.541	2.152.142.710
Chi phí/(hoàn nhập) dự phòng	1.323.930.311	2.515.647.154
Chi phí điện văn phòng	175.061.984	179.939.762
Chi phí tiếp khách	1.055.456.662	757.131.708
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	4.721.062.071	5.029.612.244
	20.571.684.705	21.535.859.275

6.7 Thu nhập khác

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Thu nhập từ tiền điện, nước ở các ki ốt cho thuê	173.659.647	214.716.884
Thanh lý tài sản cố định	52.727.272	-
Chiết khấu sản lượng	146.023.508	361.687.301
Thu nhập khác	58.966.294	698.888.134
	431.376.721	1.275.292.319

6.8 Chi phí khác

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Thủ lao Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát không trực tiếp tham gia điều hành	519.750.000	348.000.000
Chi phí điện nước ở các ki ốt cho thuê	99.721.048	214.199.001
Chi phí khác	146.884.300	363.757.340
	766.355.348	925.956.341

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

6.9 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của Công ty	16.142.979.012	5.447.914.074
Trừ: Số tạm trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	16.142.979.012	5.447.914.074
Số cổ phiếu bình quân lưu hành trong năm	15.848.063	6.241.107
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	1.019	873

Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

	Năm 2024 Cổ phiếu	Năm 2023 Cổ phiếu
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	15.848.063	4.159.600
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành trong năm	-	2.081.507
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	15.848.063	6.241.107

6.10 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.230.508.704	882.917.589
Chi phí nhân công	24.616.822.559	26.094.392.264
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.684.711.103	2.794.836.408
Chi phí dịch vụ mua ngoài	12.359.398.389	3.022.027.886
Chi phí khác	3.611.203.793	15.041.722.678
	44.502.644.548	47.835.896.825

7. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

7.1 Tiền thu từ đi vay

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Tiền thu từ đi vay theo khế ước thông thường	2.916.169.063.184	2.500.744.858.594

7.2 Tiền trả nợ gốc vay

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Tiền trả nợ gốc vay theo khế ước thông thường	2.929.183.306.956	2.294.506.046.474

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

8. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Công ty có các tài sản tài chính như các khoản cho vay, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, tiền mặt và tiền gửi phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty. Nợ phải trả tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm các khoản nợ vay, các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của các khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động các nguồn tài chính phục vụ cho các hoạt động của Công ty.

Công ty chịu rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Nhiệm vụ quản lý rủi ro là nhiệm vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức độ hợp lý giữa chi phí khi rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro nhằm đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

i. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro về giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn, và các khoản vay của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

Rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của các cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Ban Giám đốc của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu. Công ty đánh giá rủi ro về giá cổ phiếu là không đáng kể.

ii. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu là tài khoản phải thu khách hàng), và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, nghiệp vụ ngoại hối và các công cụ tài chính khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

Phải thu khách hàng

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì sự kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Công ty có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng của số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trên bảng cân đối kế toán tại ngày kết thúc năm tài chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 5.1. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản tiền gửi ngân hàng là thấp.

iii. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giảm thiểu rủi ro thanh khoản bằng cách duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Giám đốc cho rằng đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và giảm thiểu rủi ro do những biến động của luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến trên hợp đồng cơ sở chưa được chiết khấu:

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 đến 5 năm VND	Tổng cộng VND
Ngày 31 tháng 12 năm 2024			
Phải trả người bán	2.165.116.757	-	2.165.116.757
Chi phí phải trả	2.670.955.970	-	2.670.955.970
Phải trả khác	2.860.192.568	-	2.860.192.568
Các khoản nhận ký quỹ và ký cược	-	5.163.566.667	5.163.566.667
Các khoản vay và nợ thuê tài chính	511.589.288.909	1.093.633.339	512.682.922.248
	519.285.554.204	6.257.200.006	525.542.754.210
Ngày 01 tháng 01 năm 2024			
Phải trả người bán	2.040.406.758	-	2.040.406.758
Chi phí phải trả	1.455.544.690	-	1.455.544.690
Phải trả khác	2.991.746.428	-	2.991.746.428
Các khoản nhận ký quỹ và ký cược	-	4.593.566.667	4.593.566.667
Các khoản vay và nợ thuê tài chính	525.697.166.020	-	525.697.166.020
	532.184.863.896	4.593.566.667	536.778.430.563

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn cần thiết.

Tài sản đảm bảo

Công ty đã cầm cố khoản tiền gửi có kỳ hạn, hàng tồn kho, quyền đòi nợ và các tài sản gắn liền với đất vào các khoản vay (Thuyết minh số 5.2, 5.3, 5.8, 5.10, 5.11 và 5.17).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

iv. Giá trị hợp lý

(1) So sánh giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý (*)	
	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Tài sản tài chính				
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	258.300.000.000	294.170.000.000	258.300.000.000	294.170.000.000
Phải thu khách hàng	99.273.024.163	91.764.266.880	93.020.904.388	86.834.157.416
Phải thu khác	10.001.043.981	9.182.072.416	10.001.043.981	9.182.072.416
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược	929.890.000	728.890.000	929.890.000	728.890.000
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán				
Tiền và các khoản tương đương tiền	42.620.435.447	19.964.578.596	42.620.435.447	19.964.578.596
Đầu tư dài hạn khác	10.000.000.000	10.000.000.000	9.873.314.206	9.563.409.032
	421.124.393.591	425.809.807.892	414.745.588.022	420.443.107.460

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Phải trả người bán	2.165.116.757	2.040.406.758	2.165.116.757	2.040.406.758
Chi phí phải trả	2.670.955.970	1.455.544.690	2.670.955.970	1.455.544.690
Phải trả khác	2.860.192.568	2.991.746.428	2.860.192.568	2.991.746.428
Các khoản nhận ký quỹ và ký cược	5.163.566.667	4.593.566.667	5.163.566.667	4.593.566.667
Các khoản vay và nợ thuế tài chính	512.682.922.248	525.697.166.020	512.682.922.248	525.697.166.020
	525.542.754.210	536.778.430.563	525.542.754.210	536.778.430.563

(*) Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính không được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và ngày 01 tháng 01 năm 2024. Tuy nhiên, Ban Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của những tài sản và phải trả tài chính này không có chênh lệch trọng yếu với giá trị ghi sổ của chúng tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

(2) Cơ sở xác định giá trị hợp lý

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác

Giá trị hợp lý của các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, không bao gồm các khoản phải thu và phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng, được ước tính theo giá trị hiện tại của dòng tiền trong tương lai, được chiết khấu theo lãi suất thị trường tại ngày báo cáo. Giá trị hợp lý của các công cụ này được xác định chỉ nhằm mục đích thuyết minh thông tin.

Nợ phải trả tài chính phi phái sinh

Giá trị hợp lý, xác định chỉ nhằm mục đích thuyết minh thông tin, được tính dựa trên giá trị hiện tại của dòng tiền tương lai trả gốc và lãi, được chiết khấu theo lãi suất thị trường tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

v. Phòng ngừa rủi ro

Công ty không áp dụng chính sách kế toán phòng ngừa rủi ro.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

9. CÁC THÔNG TIN KHÁC

9.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

9.1.1 Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

		Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Lương, thưởng, thù lao			
Ban Giám đốc (chưa bao gồm thành viên Hội đồng Quản trị kiêm nhiệm)			
Ông Nguyễn Hoàng Linh	Giám đốc	660.500.000	628.670.000
Bà Nguyễn Thị Kim Oanh	Phó Giám đốc	421.369.565	407.670.000
Bà Trần Thị Ái Liên	Phó Giám đốc	427.639.565	-
Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát			
Bà Nguyễn Thanh Hoa	Chủ tịch HĐQT	541.800.000	542.800.000
Ông Lê Minh Khuê	Thành viên HĐQT	120.000.000	120.000.000
Ông Phạm Văn Nam	Thành viên HĐQT	35.000.000	120.000.000
Ông Vũ Hoàng Huỳnh	Thành viên HĐQT	120.000.000	120.000.000
Ông Nguyễn Hoàng Linh	Thành viên HĐQT	120.000.000	120.000.000
Ông Nguyễn Văn Chi	Thành viên HĐQT	85.000.000	-
Bà Vũ Thị Mai Phương	Trưởng BKS	90.000.000	90.000.000
Bà Nguyễn Thị Thắm	Thành viên BKS	54.000.000	54.000.000
Bà Trần Thị Ngọc Anh	Thành viên BKS	15.750.000	54.000.000
Ông Nguyễn Quốc Dương	Thành viên BKS	38.250.000	-
		2.729.309.130	2.257.140.000

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt trong năm như sau:

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Ông Vũ Hoàng Huỳnh - Thành viên Hội đồng Quản trị			
	Nhận tiền vay	-	15.000.000.000
	Trả tiền vay	-	15.000.000.000

9.1.2 Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Trong năm, Công ty có phát sinh nghiệp vụ chủ yếu với các công ty có liên quan như sau:

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Công ty TNHH Thực phẩm Rạng Đông			
	Bán hàng hóa	-	44.099.774
Công ty Cổ phần Sầu riêng Tây Nguyên			
	Bán hàng hóa	7.646.626	1.831.054
Công ty Cổ phần Thương mại Long Thành			
	Lợi nhuận được chia	993.537.000	595.620.000
	Góp vốn đầu tư	1.400.266.780	48.813.222.998
Tổng Công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư - Công ty Cổ phần - Chi nhánh Vĩnh Long			
	Mua hàng hóa	1.005.718.182	621.309.091

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

9.2 Thông tin bộ phận

9.2.1 Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động trong một lĩnh vực kinh doanh duy nhất là kinh doanh các sản phẩm xăng dầu, nhớt, các chất bôi trơn và khí dầu mỡ hoá lỏng, chất đốt.

9.2.2 Bộ phận theo khu vực địa lý

Hoạt động Công ty diễn ra trên toàn lãnh thổ Việt Nam, tập trung ở các tỉnh thành miền Đông Nam Bộ như Đồng Nai, Thành phố Hồ Chí Minh, Bình Dương, Bà Rịa – Vũng Tàu, Bình Phước,...

9.3 Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện quan trọng nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính (ngày 31 tháng 12 năm 2024) cho đến thời điểm lập Báo cáo này, yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.



NGUYỄN HOÀNG THÁI TRỌNG
Người lập biểu



VŨ THỊ KIM THANH
Kế toán trưởng



NGUYỄN HOÀNG LINH
Giám đốc

Đồng Nai, ngày 10 tháng 03 năm 2025

